

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Hồng Ngân**  
**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT  
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY  
TNHH OJITEX HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Hồng Ngân  
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG  
ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Hồng Ngân

Mã SV: 1213401033

Lớp: QTL602K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài khóa luận này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến:

Các thầy giáo, cô giáo trường Đại học Dân lập Hải Phòng - những người đã cho em nền tảng kiến thức, tận tình chỉ bảo nhiều kinh nghiệm thực tế để em hoàn thành thật tốt đề tài khóa luận.

Thầy giáo ThS.Nguyễn Đức Kiên đã hết lòng hỗ trợ và giúp đỡ em từ khâu chọn đề tài, cách tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành bài khóa luận này.

Ban lãnh đạo, các cô chú, anh chị làm việc tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng, đặc biệt là các chị trong phòng kế toán đã giúp em hiểu được thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng. Qua quá trình thực tập đã cung cấp cho em những kinh nghiệm và kỹ năng vô cùng quý báu, cần thiết cho một kế toán tương lai.

Với niềm tin vào tương lai, sự nỗ lực hết mình không ngừng học hỏi của bản thân cùng với kiến thức, sự giúp đỡ của thầy giáo hướng dẫn **Thạc sĩ Nguyễn Đức Kiên**, các thầy cô, anh chị kế toán đi trước, em xin hứa sẽ cố gắng trở thành một kế toán viên giỏi và có những bước phát triển hơn nữa cho nghề nghiệp mà em đã chọn, để tự hào góp vào bảng thành tích chung của sinh viên Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Cuối cùng, em xin kính chúc các thầy cô giáo, các cô bác, anh chị làm việc tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng dồi dào sức khỏe, thành công và hạnh phúc trong cuộc sống.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

***Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2014***

Sinh viên

***Phạm Hồng Ngân***

# MỤC LỤC

**LỜI CẢM ƠN**

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	9
<b>CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT</b>	3
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm:.....	4
1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm: .....	4
1.2.2. Chức năng của giá thành sản phẩm:.....	4
1.3. Phân loại chi phí sản xuất: .....	5
1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí ( nội dung kinh tế ):.....	5
1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí ( theo công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh ):.....	5
1.3.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động ( mô hình ứng xử chi phí ) .....	6
1.4. Phân loại giá thành sản phẩm:.....	6
1.4.1. Phân loại dựa theo thời điểm tính và nguồn số liệu:.....	6
1.4.2. Phân loại dựa theo phạm vi phát sinh chi phí: .....	7
1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.....	8
1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:.....	8
1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm: .....	8
1.5.3. Kỳ tính giá thành: .....	9
1.6 Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất: .....	9
1.6.1. Phương pháp tập hợp phí sản xuất .....	9
1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất:.....	10
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm .....	11
1.7.1. Phương pháp trực tiếp ( phương pháp giản đơn ):.....	11
1.7.2. Phương pháp hệ số: .....	11
1.7.3. Phương pháp tổng cộng chi phí: .....	12
1.7.4. Phương pháp tỷ lệ : .....	12

1.7.5. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ: .....	13
1.7.6. Phương pháp đơn đặt hàng:.....	13
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang: .....	14
1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:.....	14
1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo ước lượng sản phẩm tương đương: .....	14
1.8.3. Đánh giá theo giá thành định mức: .....	16
1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm.....	16
1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:.....	16
1.9.1.1.Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLTT) .....	16
1.9.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp ( CPNCTT) .....	17
1.9.1.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung: .....	18
1.9.1.4. Tổng hợp chi phí sản xuất:.....	21
1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:.....	22
1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất:.....	24
1.10.1. Kế toán thiệt hại về sản phẩm hỏng: .....	24
1.10.2. Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất:.....	25
1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất-giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán. ....	27
1.11.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	27
1.11.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái .....	28
1.11.3. Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	29
1.11.4. Hình thức kế toán chứng từ- ghi sổ:.....	30
1.11.5. Hình thức kế toán trên máy tính:.....	31
<b>CHƯƠNG 2.THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OJITEX HẢI PHÒNG.....</b>	<b>32</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng.....	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng.....	32
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:.....	35
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Ojitex Hải Phòng: .....	37

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng:.....	39
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng. ....	42
2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:.....	42
2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:.....	42
2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng:.....	43
2.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng.....	43
2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex hải Phòng:.....	43
2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng.....	53
2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:.....	61
2.2.4.4. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất tại công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng:.....	67
2.2.4.5. Tổng hợp chi phí sản xuất , đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm:.....	68
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OJITEX HẢI PHÒNG.....</b>	<b>73</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng. ....	73
3.1.1. Ưu điểm:.....	73
3.1.2. Hạn chế:.....	75
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng.....	77
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Ojitex Hải Phòng. ....	78
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Ojitex Hải Phòng.....	78

3.4.1. Kiến nghị 1: Về các khoản trích theo lương .....	78
3.4.2. Kiến nghị 2: Về sổ chi tiết chi phí sản xuất .....	79
3.4.3. Kiến nghị 3: Hạch toán chi phí thiệt hại trong sản xuất.....	83
3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng: .....	84
3.4.5. Kiến nghị 5: Về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.....	84
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng.....	85
3.5.1. Về phía Nhà nước: .....	85
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	86
<b>KẾT LUẬN</b> .....	87
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	88



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng 0000744.....	45
Biểu 2.2: Phiếu nhập kho 16/06 .....	46
Biểu 2.3: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa).....	47
Biểu 2.4: Phiếu xuất kho 12/06 .....	48
Biểu 2.5: Sổ chi tiết tài khoản 621 .....	50
Biểu 2.6: Trích sổ Nhật ký chung .....	51
Biểu 2.7: Sổ cái tài khoản 621 .....	52
Biểu 2.8: Trích bảng chấm công .....	55
Biểu 2.9: Bảng thanh toán tiền lương bộ phận.....	56
Biểu 2.10: Bảng tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương .....	57
Biểu 2.11: Bảng tổng hợp phân bổ tiền lương và bảo hiểm .....	58
Biểu 2.12: Trích sổ Nhật ký chung .....	59
Biểu 2.13: Sổ cái tài khoản 622 .....	60
Biểu 2.14: Phiếu xuất kho 06/06.....	62
Biểu 2.15: Bảng phân bổ chi phí tài khoản 242 .....	63
Biểu 2.16: Bảng tính và phân bổ khấu hao Tài sản cố định.....	64
Biểu 2.17: Báo cáo chi phí kết nối .....	65
Biểu 2.18: Trích sổ Nhật ký chung .....	66
Biểu 2.19: Sổ cái tài khoản 627 .....	67
Biểu 2.20: Phiếu kế toán .....	68
Biểu 2.21: Bảng phân bổ chi phí NCTT và chi phí SXC .....	69
Biểu 2.22: Thẻ tính giá thành sản phẩm.....	70
Biểu 2.23: Phiếu nhập kho .....	71
Biểu 2.24: Trích sổ Nhật ký chung .....	72
Biểu 3.1: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .....	80
Biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh-Chi phí nhân công trực tiếp .....	81
Biểu 3.3: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh –Chi phí sản xuất chung.....	82

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	17
Sơ đồ 1.2: Hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp: .....	18
Sơ đồ 1.3: Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất chung: .....	21
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên ..	22
Sơ đồ 1.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ .....	23
Sơ đồ 1.6. Kế toán sản phẩm hỏng sửa chữa được: .....	25
Sơ đồ 1.7. Kế toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được: .....	25
Sơ đồ 1.8. Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch.....	26
Sơ đồ 1.9. Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch .....	27
Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung .....	27
Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái.....	28
Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – gia thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ:.....	29
Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ.....	30
Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy tính.....	31
Sơ đồ 2.1. Quy trình sản xuất tại công ty TNHH Ojitek Hải Phòng .....	36
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng .....	38
Sơ đồ 2.3. Mô hình tập trung bộ máy kế toán tại công ty TNHH Ojitek Hải Phòng:.....	40
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng .....	41
Sơ đồ 3.4. Kế toán sản phẩm hỏng sửa chữa được: .....	83
Sơ đồ 3.5. Kế toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được: .....	84
Sơ đồ 3.6: kế toán trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ .....	85

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	: Kinh phí công đoàn
NVL	: Nguyên vật liệu
TSCĐ	: Tài sản cố định
HD GTGT	: Hóa đơn giá trị gia tăng
PXK	: Phiếu xuất kho
PNK	: Phiếu nhập kho
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
SP	: Sản phẩm
BTC	: Bộ Tài chính
KH	: Khấu hao
QLDN	: Quản lý doanh nghiệp
QLCL	: Quản lý chất lượng
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
KKĐK	: Kiểm kê định kỳ
CP	: Chi phí
KC	: Kết chuyển
TK	: Tài khoản
CCDC	: Công cụ dụng cụ

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời điểm kinh tế nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mạnh mẽ cũng như đẩy mạnh tiến trình hội nhập kinh tế thế giới, đặt ra cho doanh nghiệp không ít thách thức về tồn tại và phát triển. Để đứng vững trên thị trường có tính cạnh tranh ngày càng cao như hiện nay, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình từ việc đầu tư vốn, tổ chức sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm. Để cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp phải không ngừng tối ưu hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm đi liền với hạ giá thành sản phẩm. Do đó, việc nghiên cứu và thực hiện hạ giá thành sản phẩm có tầm quan trọng rất lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất.

Để đạt được mục tiêu đó, các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ các chi phí sản xuất phát sinh, đồng thời nghiên cứu các biện pháp cắt giảm các chi phí không cần thiết, tránh lãng phí. Một trong những công cụ để góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tăng chất lượng của sản phẩm là công tác kế toán mà trong đó mũi nhọn là công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Do vậy, việc hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là việc làm cần thiết và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc kiện toàn công tác kế toán cũng như sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp sản xuất.

Giống với nhiều doanh nghiệp sản xuất khác, Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng đã nhận thức được vấn đề và không ngừng đổi mới, kiện toàn để tồn tại và đứng vững trên thị trường. Đặc biệt là công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng, xuất phát từ những lý do trên, em đã đi sâu nghiên cứu tìm hiểu và lựa chọn đề tài: "**Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng**" làm khóa luận tốt nghiệp.

### 2. Mục tiêu của đề tài:

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng.- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi

phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhằm tăng cường quản lý chi phí sản xuất tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài**

\* Đối tượng nghiên cứu: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng.

\* Phạm vi nghiên cứu đề tài:

- Về không gian: Tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng.
- Về thời gian: Từ 01/04/2014 đến 26/06/2014.
- Về phân tích: Lấy số liệu năm 2012.

### **4. Phương pháp nghiên cứu:**

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu.

### **5. Kết cấu của khóa luận**

Ngoài "Lời mở đầu" và "Kết luận" thì kết cấu của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng.

## **CHƯƠNG 1**

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

#### **1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất**

Chi phí là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, tài sản, sự phát triển của doanh nghiệp. Bởi lẽ, trong quá trình sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn phải đầu tư các loại chi phí khác nhau một cách thường xuyên và liên tục để tạo ra khối lượng sản phẩm, lao vụ, công việc phục vụ mục đích hoạt động của doanh nghiệp.

Chi phí sản xuất được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Có thể hiểu một cách trừu tượng là biểu hiện bằng tiền của những hao phí lao động sống và lao động vật hóa phải bỏ ra để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Hoặc có thể hiểu là những phí tổn về nguồn lực kinh tế, tài sản cụ thể sử dụng trong hoạt động sản xuất. Những nhận thức về chi phí có thể khác nhau về quan điểm hình thức thể hiện chi phí nhưng tất cả nhận thức đều thừa nhận bản chất của chi phí như sau:

Chi phí sản xuất là toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm và đạt được mục đích là tạo ra được sản phẩm ở dưới mọi dạng có thể có được của nó. Xác định nội dung của chi phí sản xuất để thấy được bản chất của chi phí sản xuất là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong quản lý chi phí sản xuất của các doanh nghiệp

Hao phí về lao động sống: chính là sức lao động cụ thể hóa, là tiền lương và các khoản trích theo lương, tiền công phải trả cho người lao động tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm, dịch vụ.

Chi phí được biểu hiện trên hai mặt:

- Xét về định tính, chi phí được nhận thức là các yếu tố vật chất thực tế bị hao tổn trong quá trình sản xuất nhằm tạo ra một loại sản phẩm, dịch vụ nhất định tùy theo mục đích cụ thể trong kinh doanh.

- Chi phí được định lượng bằng một lượng tiền chi ra, mức giảm sút của giá trị tài sản, khoản nợ thuế...những khoản phí tổn góp phần làm giảm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Thể hiện mối quan hệ giữa chi phí và tài sản, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Do vậy, để duy trì hoạt động cho doanh nghiệp thì yếu tố chi phí sản xuất luôn cần được chú trọng. Sao cho, chi phí sản xuất một sản phẩm luôn nằm trong giới hạn bù đắp của doanh nghiệp để tái sản xuất.

## **1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm:**

### **1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm:**

Ngoài chi phí sản xuất sản phẩm, trong quá trình sản xuất kinh doanh doanh nghiệp còn phát sinh nhiều khoản chi phí khác nữa. Nghĩa là, sản phẩm làm ra đã kết tinh trong đó một khoản hao phí vật chất bao gồm chi phí sản xuất, chi phí tiêu thụ, chi phí quản lý... Đòi hỏi phải có chỉ tiêu giá thành sản phẩm để định lượng hao phí vật chất phát sinh để tạo ra sản phẩm

Giá thành sản phẩm là những hao phí bằng tiền về lao động sống và lao động vật hóa cũng như chi phí bằng tiền khác để chuẩn bị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, lao vụ.

Giá thành sản phẩm là toàn bộ các khoản chi phí được bù đắp bằng thu nhập bán hàng. Nói cách khác, đó là toàn bộ các đầu vào của các yếu tố vật chất nhằm mục đích tạo ra những đầu ra tương ứng không phân biệt nó nằm trong bộ phận nào của các bộ phận thuộc giá trị sản phẩm.

Giá thành sản phẩm là một đại lượng xác định, biểu hiện mối quan hệ giữa chi phí sản xuất bỏ ra và kết quả sản xuất đạt được.

### **1.2.2. Chức năng của giá thành sản phẩm:**

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu chất lượng tổng hợp có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý của các doanh nghiệp và của nền kinh tế. Thông qua chỉ tiêu giá thành người ta có thể đánh giá được hiệu quả của quá trình sản xuất.

Giá thành có các chức năng chủ yếu sau:

\* Chức năng thước đo bù đắp chi phí: Toàn bộ hao phí vật chất và lao động trong quá trình sản xuất sản phẩm cần được bù đắp đầy đủ và kịp thời để phục vụ yêu cầu tái sản xuất. Đây là thước đo hiệu quả hoạt động kinh tế của doanh nghiệp. Bởi doanh nghiệp có muốn duy trì hoạt động thì trước tiên phần doanh thu phải bù đắp được phần chi phí mà mình đã bỏ ra sau đó mới tính đến khả năng sinh lời.

\* Chức năng lập giá: giá thành và giá cả có quan hệ mật thiết với nhau, chi phối lẫn nhau. Giá thành là căn cứ để xác định giá cả của hàng hóa tiêu thụ, và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá cả. Yêu cầu đầu tiên khi xây dựng giá cả là giá cả phải có khả năng bù đắp hao phí vật chất để sản xuất và tiêu thụ sản

phẩm, bảo đảm cho các doanh nghiệp trong điều kiện sản xuất bình thường có thể bù đắp được hao phí để thực hiện tái sản xuất.

\* Chức năng đòn bẩy kinh tế: Giá thành sản phẩm là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trên thị trường. Giá thành sản phẩm cùng với các phạm trù chất lượng sản phẩm, biến động của thị trường là những yếu tố căn bản quyết định khả năng tiêu thụ sản phẩm, tái sản xuất của doanh nghiệp. Để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh thì hạ thấp giá thành sản phẩm là biện pháp căn bản.

### **1.3. Phân loại chi phí sản xuất:**

#### **1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí ( nội dung kinh tế ):**

Chi phí sản xuất kinh doanh được qui đổi bao gồm các yếu tố:

- Chi phí nguyên vật liệu: Bao gồm giá mua, chi phí mua của nguyên vật liệu dùng vào hoạt động sản xuất. Yếu tố này bao gồm các thành phần sau:

+ Chi phí nguyên vật liệu chính: Bao gồm giá mua và chi phí mua của những loại nguyên vật liệu chính được sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất. Loại nguyên vật liệu này thường cấu thành chủ yếu nên sản phẩm, chi phí của nó chiếm tỷ lệ chủ yếu trong giá thành sản phẩm.

+ Chi phí nguyên vật liệu phụ: Bao gồm giá mua, chi phí mua của những nguyên vật liệu dùng để kết hợp với nguyên liệu chính để cấu thành nên sản phẩm, hoặc những loại nguyên vật liệu dùng trong công việc hành chính văn phòng... Chi phí nguyên vật liệu phụ thường phát sinh trong tất cả hoạt động sản xuất, tiêu thụ, quản lý...

- Chi phí nhân công : Là yếu tố hao phí lao động sống phải bỏ ra để thực hiện việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Chi phí khấu hao Tài sản cố định: Là yếu tố chi phí bao gồm khấu hao của tất cả tài sản cố định, tài sản dài hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là yếu tố chi phí cấu thành nên giá trị sản phẩm được phát sinh bên ngoài doanh nghiệp.

- Chi phí khác bằng tiền: Là chi phí khác bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài các yếu tố chi phí nói trên.

#### **1.3.2. Phân loại theo khoản mục chi phí (theo công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh):**

Chi phí sản xuất được quy định bao gồm 3 khoản mục:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm toàn bộ chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp vào sản xuất sản phẩm như chi phí nguyên vật liệu chính, chi



phí nguyên vật liệu phụ... Khoản mục chi phí này chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí và đóng vai trò quyết định chi phí, giá thành sản phẩm dịch vụ. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dễ nhận biết, định lượng.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương tính vào chi phí sản xuất như kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,.. của công nhân trực tiếp thực hiện sản xuất sản phẩm, dịch vụ.. Chi phí nhân công trực tiếp dễ nhận biết, định lượng chính xác.

- Chi phí sản xuất chung: Bao gồm tất cả các chi phí sản xuất khác ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp như chi phí lao động gián tiếp, chi phí phục vụ, tổ chức quản lý tại phân xưởng... Chi phí sản xuất chung gồm nhiều khoản mục chi phí và đều có tính chất gián tiếp đối với sản phẩm được sản xuất. Do đặc điểm không thể tính trực tiếp vào giá trị sản phẩm nên chi phí sản xuất chung sẽ được tính thông qua việc phân bổ .

### **1.3.3. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động ( mô hình ứng xử chi phí )**

Theo tiêu thức này, chi phí trong kỳ kế toán bao gồm chi phí cố định (định phí), chi phí khả biến (biến phí) và chi phí hỗn hợp.

- Biến phí: Là chi phí thay đổi tỷ lệ thuận với mức độ hoạt động, có thể là số lượng sản phẩm sản xuất ra, số lượng sản phẩm tiêu thụ, số giờ máy vận hành; và tỷ lệ thuận chỉ trong một phạm vi hoạt động.

- Định phí: Là những chi phí mà tổng số của nó ít hoặc không thay đổi theo mức độ hoạt động. Khác với chi phí khả biến, chí phí cố định không bị ảnh hưởng bởi sản lượng sản xuất và tiêu thụ. Mức độ hoạt động có tăng hay giảm thì định phí vẫn không đổi. Tuy nhiên định phí chỉ thích hợp cho từng phạm vi nhất định. Nếu mức độ hoạt động vượt quá giới hạn nhất định, nó có thể bị thay đổi.

- Chi phí hỗn hợp: Là loại chi phí mà bản thân nó bao gồm cả biến phí và định phí. Ở mức độ hoạt động căn bản, chi phí hỗn hợp thể hiện các đặc điểm của định phí, quá mức đó nó có thể thể hiện đặc tính của biến phí.

## **1.4. Phân loại giá thành sản phẩm:**

### **1.4.1. Phân loại dựa theo thời điểm tính và nguồn số liệu:**

Theo tiêu thức phân loại này, giá thành được chia như sau:

\* Giá thành kế hoạch: Là giá thành được tính toán, xác định trên cơ sở chi phí và sản lượng kế hoạch trước khi bắt đầu quá trình sản xuất sản phẩm. Giá

thành kế hoạch là mục tiêu quan trọng giúp cho doanh nghiệp tìm ra biện pháp phân đầu hạ giá thành sản phẩm.

\* Giá thành định mức: Tương tự như giá thành kế hoạch, giá thành định mức được xây dựng trước khi tiến hành quá trình sản xuất sản phẩm. Nhưng giá thành định mức là giá thành được xây dựng trên cơ sở chi phí hiện hành và tại các thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch ( nên có thể phù hợp với sự thay đổi trong từng thời kỳ). Giá thành định mức được xem là căn cứ để kiểm soát tình hình thực hiện những định mức tiêu hao, các yếu tố khác nhau phát sinh trong quá trình sản xuất.

\* Giá thành thực tế: Được xây dựng sau khi tiến hành sản xuất sản phẩm dựa trên việc tập hợp các chi phí thực tế phát sinh. Bao gồm tất cả các chi phí có trong định mức và ngoài định mức (Các khoản thiệt hại về máy móc thiết bị hay nguyên vật liệu...). Giá thành thực tế phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ, quyết định lãi lỗ của doanh nghiệp và so sánh với giá thành kế hoạch và giá thành định mức để tối ưu hóa hoạt động, hạ thấp giá thành.

#### **1.4.2. Phân loại dựa theo phạm vi phát sinh chi phí:**

Tiêu thức này chia giá thành thành hai loại :

\* Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) : Là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung:

$$\text{Giá thành sản xuất} = \text{Chi phí sản xuất} + \text{Chi phí sản xuất} - \text{Chi phí sản xuất}$$

*dở dang đầu kỳ      phát sinh trong kỳ      dở dang cuối kỳ*

\* Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ) : là chỉ tiêu phản ánh tất cả các chi phí liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ( chi phí quản lý, bán hàng) phân bổ cho sản phẩm được coi là đã tiêu thụ. Giá thành toàn bộ là căn cứ để tính lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp. Giá thành toàn bộ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá thành toàn bộ sản phẩm} = \text{Giá thành sản xuất sản phẩm} + \text{Chi phí tiêu thụ sản phẩm} + \text{Chi phí quản lý được phân bổ}$$

Cách phân loại này cho phép kế toán tính được kết quả kinh doanh, lãi lỗ của doanh nghiệp theo từng mặt hàng, từng loại sản phẩm dịch vụ.

## **1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành**

### **1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:**

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là giới hạn và phạm vi để tập hợp chi phí sản xuất. Trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp, chi phí sản xuất luôn gắn liền với bộ phận thực hiện sản xuất và loại sản phẩm được sản xuất. Nên thực chất việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là xác định nơi gây ra chi phí ( phân xưởng, bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ) hoặc đối tượng chịu chi phí ( sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm). Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên rất quan trọng trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

Căn cứ để xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất:

- Đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý.
- Quy trình công nghệ sản xuất.
- Loại hình sản xuất sản phẩm.
- Khả năng hạch toán, yêu cầu quản lý cụ thể của từng đơn vị.

Xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là cơ sở xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán, hệ thống tài khoản ban đầu về chi phí sản xuất, nhằm phục vụ việc tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm. Xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí phù hợp với đặc điểm sản xuất, tình hình hoạt động của doanh nghiệp là yêu cầu căn bản để quản lý doanh nghiệp hiệu quả.

### **1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm:**

Các chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp là cơ sở để xác định giá thành sản phẩm. Do đó, đối tượng tính giá thành sản phẩm chính là những sản phẩm, công việc lao vụ, dịch vụ, những đơn đặt hàng, công trình, hạng mục công trình... đã hoàn thành cần xác định được chi phí thực tế cấu thành.

Căn cứ để xác định đối tượng tính giá thành:

- Đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý
- Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm
- Khả năng, điều kiện hạch toán và yêu cầu quản lý cụ thể ở từng đơn vị.

Xác định đối tượng tính giá thành là cơ sở để tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, lập phiếu tính giá thành sản phẩm để kiểm tra đánh giá một cách tổng hợp toàn diện các biện pháp tổ chức và quản lý quá trình sản xuất sản phẩm.

### **1.5.3. Kỳ tính giá thành:**

Kỳ tính giá thành sản phẩm là khoảng thời gian cần thiết để bộ phận tính giá thành tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành cho đại lượng kết quả hoàn thành.

Căn cứ để xác định kỳ tính giá thành:

- Căn cứ vào loại hình sản xuất sản phẩm
- Căn cứ vào đặc điểm sản xuất sản phẩm
- Căn cứ vào chu kỳ sản xuất sản phẩm
- Căn cứ vào nhu cầu thông tin giá thành

Việc xác định kỳ tính giá thành sản phẩm hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức công tác tính giá thành một cách khoa học và chính xác, kịp thời thực hiện việc kiểm tra kiểm soát hoạt động sản xuất trong kỳ để có biện pháp phát huy hay khắc phục hợp lý.

### **1.6 Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất:**

#### **1.6.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất**

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một hệ thống các phương pháp dùng để phân tích và ghi nhận chi phí phát sinh theo từng đối tượng chi phí. Việc tập hợp chi phí có thể tiến hành bằng phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp hay phương pháp tập hợp chi phí gián tiếp

\* **Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp:** Là phương pháp được áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng tập hợp chi phí riêng biệt. Nghĩa là, chi phí sản xuất phát sinh được tính trực tiếp cho từng đối tượng trực tiếp chịu chi phí nên có tính chính xác cao. Và có thể dựa vào chứng từ kế toán ban đầu để hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng.

Phương pháp này có ưu điểm về tính chính xác cao nên kế toán cần chú ý vận dụng phương pháp này một cách tối đa mỗi khi có điều kiện ghi trực tiếp. Kế toán cũng cần lưu ý việc tổ chức hạch toán một cách cụ thể, đầy đủ và chi tiết và đúng theo đối tượng tập hợp chi phí ngay từ ban đầu để có thể phản ánh chi phí một cách chính xác và kịp thời nhất.

\***Phương pháp tập hợp chi phí gián tiếp:** Phương pháp này được sử dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh ban đầu có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất nhưng kế toán không thể tổ chức ghi chép riêng biệt cho từng đối tượng được. Vậy nên, kế toán phải tập hợp chung cho nhiều

đối tượng rồi sau đó mới lựa chọn các tiêu thức thích hợp để phân bổ các chi phí đó ra cho từng đối tượng chịu chi phí một.

Việc phân bổ chi phí này được tiến hành theo trình tự sau :

- Bước 1 : Xác định phạm vi chi phí chung.

- Bước 2 : Xác định hệ số phân bổ:

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của các đối tượng}}$$

- Bước 3 : Xác định mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng liên quan:

$$\text{Chi phí phân bổ cho đối tượng } i = \text{Hệ số phân bổ} \times \text{Đại lượng của tiêu chuẩn phân bổ của đối tượng } i$$

Phương pháp này giúp cho công việc kế toán trở nên gọn nhẹ hơn, kế toán không phải theo dõi cụ thể cho từng đối tượng chịu chi phí mà chủ yếu là lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý. Tuy nhiên phương pháp này có tính chính xác không cao, phù hợp cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm với số lượng lớn và giá trị không cao, khối lượng công việc nhiều.

### **1.6.2. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất:**

Trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp, phát sinh nhiều loại chi phí cũng như đối tượng chịu chi phí. Việc tiến hành tập hợp chi phí theo một trình tự khoa học và hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong xác định chi phí và tính giá thành sản phẩm. Tập hợp chi phí sản xuất đầy đủ và kịp thời mới có thể xác định được giá thành sản phẩm một cách chính xác. Tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất của từng ngành nghề, từng doanh nghiệp và trình độ quản lý, hạch toán... mà xây dựng một trình tự hạch toán chi phí sản xuất riêng biệt. Tuy nhiên, nhìn chung có thể khái quát việc tập hợp chi phí sản xuất qua các bước:

- Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất lựa chọn.

- Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ trợ (SKPT) cho từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ giá thành đơn vị lao vụ.

- Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các loại sản phẩm có liên quan.

- Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, tính ra tổng giá thành đơn vị sản phẩm.

Trình tự hạch toán cũng như cách thức hạch toán chi phí sản xuất có thể có sự khác nhau tùy thuộc vào phương pháp hạch toán hàng tồn kho mà doanh nghiệp sử dụng.

### **1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm**

Phương pháp tính giá thành là trình tự các bước phải thực hiện để tính giá thành. Căn cứ vào các số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp được theo từng đối tượng tập hợp chi phí và các yếu tố liên quan để phân bổ chi phí đầu vào cho kết quả đầu ra để tính chi phí sản xuất dở dang, tính tổng giá thành và giá thành đơn vị từng loại sản phẩm.

Có nhiều phương pháp tính giá thành nên kế toán phải nắm rõ tình hình, đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp mình để lựa chọn phương pháp tính phù hợp nhằm đảm bảo giá thành được tính một cách chính xác. Việc lựa chọn phương pháp tính giá thành hợp lý là yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến tính chính xác của giá thành sản phẩm cũng như đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

#### **1.7.1. Phương pháp trực tiếp ( phương pháp giản đơn ):**

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp có phương thức sản xuất kinh doanh giản đơn không trải qua quá nhiều công đoạn, số lượng mặt hàng ít, khối lượng sản phẩm lớn ( ví dụ: Nhà máy điện, nước, bánh kẹo.... ) có thể hoặc không có sản phẩm dở dang.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp này là từng loại sản phẩm hay dịch vụ. Giá thành sản phẩm được tính trực tiếp theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản} \\ \text{xuất của tất cả các} \\ \text{loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành đơn} \\ \text{vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}$$

#### **1.7.2. Phương pháp hệ số:**

Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp có quy trình sản xuất sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu đầu vào nhưng khi kết thúc quá trình sản xuất thu được nhiều sản phẩm khác nhau. Theo phương pháp này, chi phí

không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm mà được hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp này là phân xưởng hay quy trình công nghệ. Đối tượng tính giá thành sản phẩm là sản phẩm chính hoàn thành.

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi được xây dựng sẵn để quy đổi các loại sản phẩm chính cần quy đổi về một sản phẩm duy nhất ( sản phẩm gốc). Sau đó, dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá thành của các loại sản phẩm để tính ra giá thành sản phẩm gốc rồi tính ra giá thành của từng loại sản phẩm.

*Tổng giá thành của sản phẩm chính hoàn thành trong kỳ*

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} = \frac{\text{Tổng giá thành của sản phẩm chính hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng số sản phẩm tiêu chuẩn}}$$

$$\text{Giá thành đơn vị từng sản phẩm} = \text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc} \times \text{Hệ số quy đổi của từng loại sản phẩm}$$

### **1.7.3. Phương pháp tổng cộng chi phí:**

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận, phân xưởng sản xuất, trải qua nhiều quy trình công nghệ .

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp này là các bộ phận, các chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ hay bộ phận sản xuất.

Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm được xác định bằng cách tổng cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên sản phẩm.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

Đây là phương pháp đơn giản thường được áp dụng ở các doanh nghiệp khai thác, dệt, nhuộm, cơ khí chế tạo hoặc may mặc... để giảm thiểu công việc cho kế toán

### **1.7.4. Phương pháp tỷ lệ :**

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách, phẩm chất khác nhau như dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo...

Theo phương pháp này, kế toán thường tập hợp chi phí sản phẩm theo từng nhóm sản phẩm cùng loại. Và căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực

tế với chi phí sản xuất kế hoạch để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị của từng loại.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế đơn vị} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \\ \text{của tất cả các loại sản phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ giữa chi phí thực} \\ \text{so với chi phí kế hoạch} \end{array}$$

### **1.7.5. Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ:**

Phương pháp này thường được áp dụng đối với các doanh nghiệp mà trong cùng một quy trình sản xuất thu được nhiều sản phẩm ( ngoài sản phẩm chính có thể có nhiều sản phẩm phụ như chế biến đường, bia, rượu... )

Theo phương pháp này, kế toán cần loại trừ giá trị sản phẩm phụ ra khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Giá trị sản phẩm phụ không phải là đối tượng tính giá thành mà được định giá theo mục đích tận thu

$$\begin{array}{l} \text{Tổng} \\ \text{giá thành} \\ \text{SP chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{chính dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{sx phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sp phụ} \\ \text{thu hồi} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sp} \\ \text{chính dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

### **1.7.6. Phương pháp đơn đặt hàng:**

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc hàng loạt nhỏ theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn đặt hàng và đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn đặt hàng nên việc tính giá phải thật chi tiết.

Theo phương pháp này, kế toán sẽ tập hợp trực tiếp những chi phí có liên quan trực tiếp đến từng đơn đặt hàng (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp) vào đơn hàng đó. Những chi phí liên quan đến nhiều đơn đặt hàng khác nhau (chi phí phục vụ, chi phí sản xuất chung..) thì tập hợp riêng theo từng bộ phận phát sinh chi phí rồi sau đó phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức hợp lý.

Giá thành của từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến lúc hoàn thành đơn đặt hàng đúng theo những tiêu chuẩn kỹ thuật được thỏa thuận theo hợp đồng sản xuất.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản} \\ \text{phẩm của đơn hàng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế đơn vị} \\ \text{sản phẩm} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản phẩm của đơn hàng} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của đơn hàng} \end{array}}$$



### **1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang:**

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm được đưa vào sản xuất trong kỳ hạch toán nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa hoàn thiện giai đoạn chế biến mà nằm trong quá trình sản xuất. Nghĩa là, trong kỳ có phát sinh chi phí sản xuất cho sản phẩm này nhưng cuối kỳ do chúng chưa hoàn thành nên chưa thể đưa chi phí sản xuất chúng vào giá thành. Mà doanh nghiệp cần phải kiểm kê và xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ để loại trừ ra khỏi chi phí sản xuất của kỳ được tập hợp để tính giá thành

Đánh giá sản phẩm dở dang vào cuối kỳ là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc tính toán giá thành và xác định đúng đắn kết quả kinh doanh trong kỳ. Để đánh giá sản phẩm làm dở, doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương pháp:

#### **1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Phương pháp này phù hợp với những doanh nghiệp mà chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm ( thường lớn hơn 7% )

Theo phương pháp này, kế toán chỉ tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, còn các khoản chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm hoàn thành

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{Giá trị sản phẩm dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí NVLTT} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{phát sinh trong kỳ} \\ \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{sản phẩm} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

#### **1.8.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo ước lượng sản phẩm tương đương:**

Phương pháp này phù hợp với hầu hết các loại hình doanh nghiệp nhưng phải gắn với điều kiện có phương pháp khoa học trong xác định mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Theo phương pháp này, chi phí sản xuất tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ bao gồm đầy đủ các khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán.

-Nếu mức độ tiêu hao của các khoản mục chi phí tương ứng với tỷ lệ hoàn thành của sản phẩm dở dang thì chỉ cần quy đổi số lượng sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành nói chung để xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

$$\text{CPSX dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CPSX dở đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sp hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng sp dở dang cuối kỳ quy đổi thành sp hoàn thành}} \times \frac{\text{Số lượng sp dở dang cuối kỳ quy đổi thành sp hoàn thành}}{\text{Số lượng sp hoàn thành}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành} = \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành được xác định}$$

Hoặc:

$$\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành} = \frac{\text{Tổng số giờ sản xuất của số lượng SPDD cuối kỳ}}{\text{Số giờ định mức để sản xuất hoàn thành một sản phẩm phẩm hoàn thành}}$$

- Nếu vật liệu ( vật liệu chính ) được xuất sử dụng hầu hết ở ngay giai đoạn đầu của quá trình sản xuất thì việc tính chi phí sản xuất cho sản phẩm dở dang được chia ra thành 2 phần:

+ Chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc nguyên vật liệu chính ) tính cho đơn vị sản phẩm dở dang và đơn vị sản phẩm hoàn thành như nhau. Công thức tính giống như ở phương pháp đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

+ Chi phí chế biến (gồm chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung) được tính cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành thực tế (qui đổi sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành tương đương ).

$$\text{CP chế biến tính cho sp dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{CP chế biến dở dang đầu kỳ} + \text{CP chế biến thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sp hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng sp dở dang cuối kỳ quy đổi sp hoàn thành}} \times \frac{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sp hoàn thành}}$$

- Chi phí NVL trực tiếp ( hoặc NVL chính ) có thể tính theo định mức hoặc theo tỉ lệ thực tế cấu thành trong sản phẩm dở dang so với sản phẩm hoàn thành.

- Chi phí chế biến có thể tính riêng cho chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Nhằm mục đích đơn giản hóa và giảm thiểu công việc hạch toán giá thành sản phẩm, kế toán có thể coi sản phẩm dở dang cuối kỳ đã hoàn thành 50%. Vào cuối mỗi kỳ, kế toán không phải ước lượng tính toán mức độ tiêu hao của khoản mục chi phí tương ứng với mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang, mà mặc định nó được xác định theo 50% chi phí sản xuất sản phẩm trong kỳ. Và tiến hành tính toán chi phí sản xuất tương tự như trên.

### **1.8.3. Đánh giá theo giá thành định mức:**

Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có xây dựng giá thành định mức.

Theo phương pháp này, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào định mức tiêu hao của những công đoạn đã thực hiện được, và tỉ lệ hoàn thành. Nếu sản phẩm không phải đi qua các công đoạn có định mức tiêu hao được xác lập riêng biệt thì các khoản mục chi phí của sản phẩm dở dang được xác định căn cứ vào tỉ lệ hoàn thành và định mức từng khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm hoàn thành.

## **1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm.**

### **1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

#### **1.9.1.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLT)**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm các chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... được xuất dùng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm .

Để theo dõi các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí ( phân xưởng, bộ phận sản xuất...). Tài khoản 621

Kết cấu tài khoản 621:

- Bên Nợ: Tập hợp chi phí nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ.

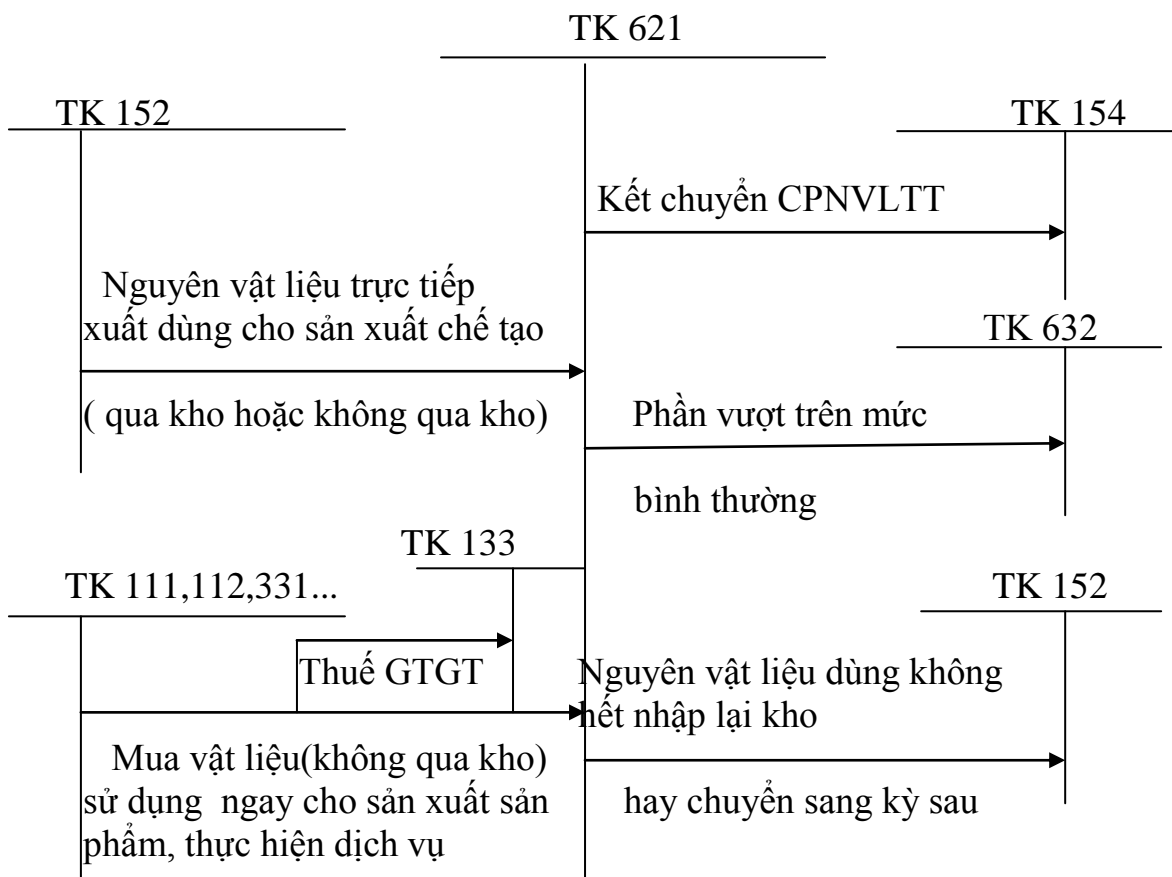
- Bên Có:

+ Giá trị vật liệu xuất dùng không hết

+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Phương pháp hạch toán cụ thể được trình bày ở sơ đồ 1.1:

**Sơ đồ 1.1. Hạch toán tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**



**1.9.1.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp ( CPNCTT)**

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản thù lao phải trả cho nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương (phụ cấp khu vực, độc hại, phụ cấp làm thêm giờ, làm đêm, phụ cấp liên lạc...), tiền ăn ca... Ngoài ra, chi phí nhân công trực tiếp còn bao gồm các khoản đóng góp cho các quỹ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm thất nghiệp do chủ sở hữu lao động chịu và được tính vào chi phí kinh doanh theo tỷ lệ nhất định với số tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

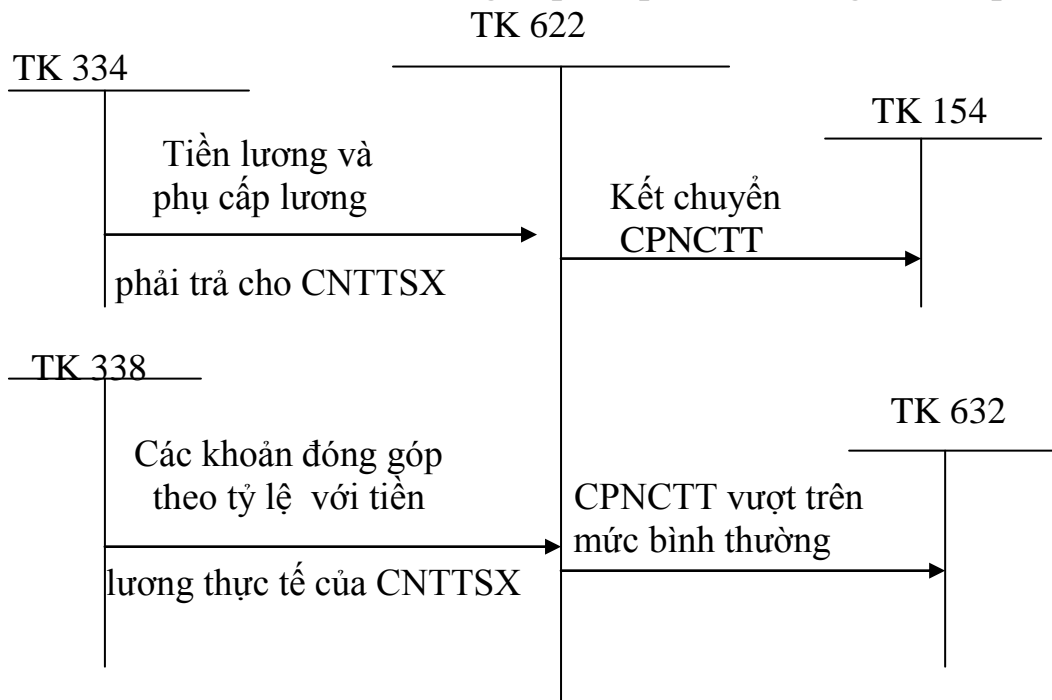
Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí. Tài khoản 622 không có số dư.

Kết cấu tài khoản 622:

- Bên Nợ: Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm, thực hiện lao vụ, dịch vụ.
- Bên Có: Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản tính giá thành.

Phương pháp hạch toán cụ thể được trình bày trên sơ đồ 1.2

**Sơ đồ 1.2: Hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp:**



**1.9.1.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung:**

Chi phí sản xuất chung là những chi phí cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Đây là những chi phí phát sinh trong phạm vi các phân xưởng, bộ phận sản xuất của doanh nghiệp. Để theo dõi các khoản chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản 627 “ Chi phí sản xuất chung”, mở chi tiết theo từng phân xưởng, bộ phận sản xuất, dịch vụ.

Khi hạch toán, chi phí sản xuất chung được chi tiết theo định phí (gồm những chi phí sản xuất gián tiếp, không thay đổi theo số lượng sản phẩm hoàn thành như chi phí khấu hao, chi phí bảo dưỡng máy móc, thiết bị, chi phí quản lý hành chính ở phân xưởng..) và biến phí (gồm những chi phí còn lại, thay đổi theo số lượng sản phẩm hoàn thành).

Kết cấu tài khoản 627:

- Bên Nợ : Tập hợp chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh
- Bên Có:
  - + Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung;
  - + Kết chuyển (hay phân bổ) chi phí sản xuất chung.

Tài khoản 627 không có số dư do cuối kỳ đã kết chuyển hay phân bổ hết cho các loại sản phẩm, dịch vụ, lao vụ và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

- TK 6271: “ Chi phí nhân viên phân xưởng”: Phản ánh chi phí về lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền ăn giữa ca phải trả cho nhân viên phân xưởng (quản đốc, phó quản đốc, nhân viên hạch toán phân xưởng, thủ kho, bảo vệ phân xưởng...) và các khoản đóng góp cho các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp trích theo tỷ lệ với tiền lương phát sinh.

- TK 6272 “ Chi phí vật liệu”: Bao gồm các khoản chi phí vật liệu sản xuất chung cho phân xưởng sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà cửa kho tàng, vật kiến trúc (trường hợp tự làm), các chi phí vật liệu cho quản lý phân xưởng.

- TK 6273 “ Chi phí dụng cụ sản xuất”: Là những chi phí về công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trong phân xưởng.

- TK 6274 “ Chi phí khấu hao tài sản cố định” : Phản ánh khấu hao tài sản cố định thuộc các phân xưởng sản xuất kinh doanh chính, sản xuất kinh doanh phụ như máy móc, thiết bị, nhà cửa, kho tàng...

- TK 6277 “ Chi phí dịch vụ mua ngoài” : Bao gồm những chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ cho sản xuất, kinh doanh chính, sản xuất kinh doanh phụ như máy móc, thiết bị, nhà cửa kho tàng...

- TK 6278 “Chi phí bằng tiền khác” : Là những chi phí còn lại ngoài các chi phí kể trên như chi phí hội nghị, lễ tân, tiếp khách, giao dịch... của nội dung hoặc yếu tố chi phí.

Ngoài ra, tùy yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp từng ngành, tài khoản 627 có thể mở thêm một số tài khoản cấp 2 khác để phản ánh một số nội dung hoặc yếu tố chi phí.

Do chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ trong phân xưởng nên cần thiết phải bỏ khoản chi phí này cho từng đối tượng (sản phẩm, dịch vụ) theo tiêu thức phù hợp (theo định mức, theo tiền lương công nhân sản xuất thực tế, theo số giờ làm việc thực tế của công nhân sản xuất...)

Đối với chi phí sản xuất chung biến đổi, kế toán sẽ phân bổ hết cho lượng sản phẩm, dịch vụ, lao vụ hoàn thành theo công thức:

$$\text{Mức biến phí SXC phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng biến phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{phân bổ của từng đối tượng}$$

Đối với định phí sản xuất chung, trong trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất cao hơn mức công suất bình thường ( mức công suất bình thường là mức sản phẩm đạt được ở mức trung bình trong điều kiện sản xuất bình thường ) thì định phí sản xuất chung được phân bổ hết cho số sản phẩm sản xuất theo công thức:

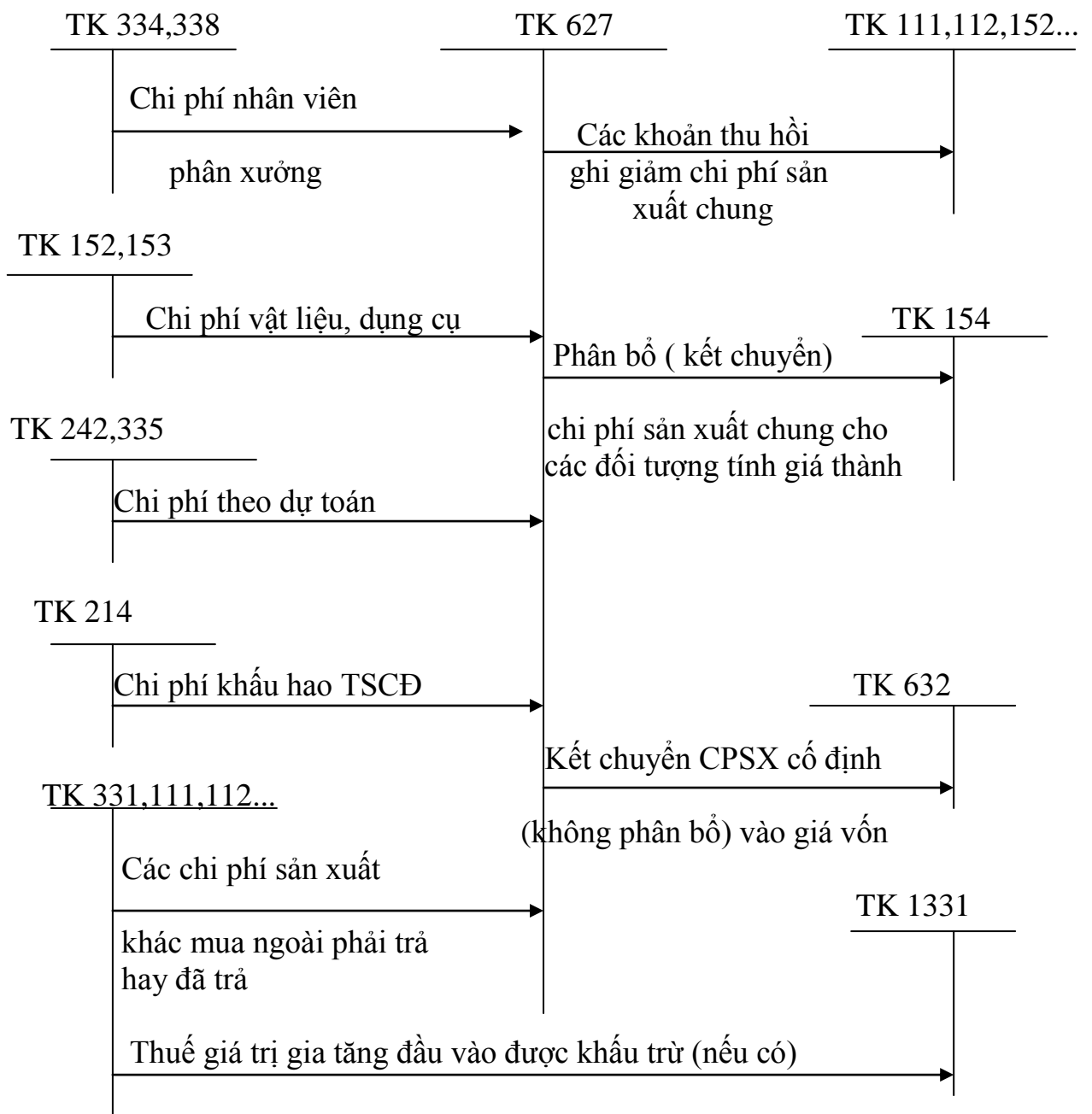
$$\text{Mức định phí SXC phân bổ} = \frac{\text{Tổng định phí sản xuất chung cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả đối tượng}} \times \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{phân bổ của}}$$

Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất ra nhỏ hơn mức công suất bình thường thì phần định phí sản xuất chung phải phân bổ theo mức công suất bình thường, trong đó số định phí sản xuất chung tính cho lượng sản phẩm chênh lệch giữa thực tế so với mức bình thường được tính vào giá vốn hàng tiêu thụ (còn gọi là định phí sản xuất chung không phân bổ ). Công thức phân bổ như sau:

$$\text{Mức định phí SXC phân bổ cho mức sp thực tế} = \frac{\text{Tổng định phí SXC cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của sản phẩm theo công thức bình thường}} \times \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của mức sản phẩm sản xuất thực tế}}{\text{phân bổ của}}$$

Toàn bộ quy trình hạch toán chi phí sản xuất chung được khái quát qua sơ đồ 1.3:

**Sơ đồ 1.3: Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất chung:**



**1.9.1.4. Tổng hợp chi phí sản xuất:**

Các phần trên đã nghiên cứu cách hạch toán và phân bổ các loại chi phí sản xuất ( chi phí sản phẩm). Các chi phí sản xuất kể trên cuối cùng đều phải được tổng hợp vào bên Nợ tài khoản 154 “ Chi phí sản xuất- kinh doanh dở dang” được mở chi tiết theo từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí hay từng loại sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm, từng loại lao vụ, dịch vụ...của các bộ phận sản xuất - kinh doanh chính,sản xuất – kinh doanh phụ (kể cả thuê ngoài gia công chế biến). Nội dung phản ánh của tài khoản 154 “Chi phí sản xuất – kinh doanh dở dang” như sau:



- Bên Nợ: Tổng hợp các chi phí sản xuất trong kỳ (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung ).

- Bên Có:

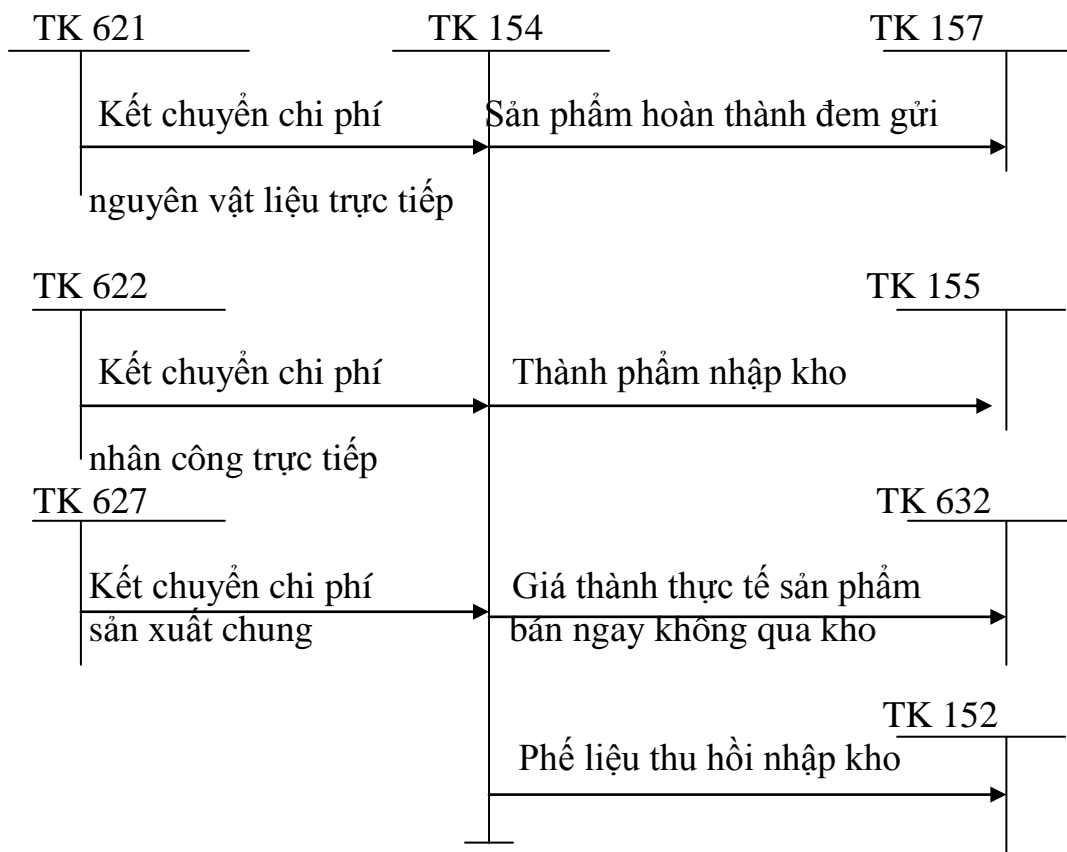
+ Các khoản ghi giảm chi phí sản phẩm

+ Tổng giá thành sản xuất thực tế hay chi phí thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành.

Dư Nợ: chi phí thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ dở dang, chưa hoàn thành.

Quá trình tổng hợp chi phí sản xuất được trình bày ở sơ đồ 1.4:

**Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên**



**1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) là phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị vật liệu đã dùng trong kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị vật tư xuất kho} = \text{Giá trị vật tư tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị vật tư nhập trong kỳ} - \text{Giá trị vật tư tồn cuối kỳ}$$

Trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho, các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến hàng tồn kho không được ghi sổ liên tục mà cuối kỳ, doanh nghiệp tiến hành kiểm kê xác định giá trị tất cả nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm và bán thành phẩm... trong kho và tại các phân xưởng, bộ phận sản xuất để xác định chi phí của sản phẩm hoàn thành, sản phẩm đã tiêu thụ.

**\* Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621) thì phương pháp hạch toán tập hợp chi phí được ghi một lần vào cuối kỳ theo định khoản:

*Nợ TK 621*

*Có TK 611: Mua hàng*

**\* Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:**

Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, tài khoản sử dụng và cách tập hợp chi phí trong kỳ giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

**\* Hạch toán chi phí sản xuất chung**

Toàn bộ chi phí sản xuất chung được tập hợp vào tài khoản 627 " Chi phí sản xuất chung" và được chi tiết theo tài khoản cấp hai tương ứng và tương tự như với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

**\* Tổng hợp chi phí sản xuất, kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang.**

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, kế toán sử dụng tài khoản 631 "Giá thành sản phẩm" để tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Tài khoản này được hạch toán chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí ( phân xưởng, bộ phận sản xuất...) và theo loại, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm, lao vụ... của cả bộ phận sản xuất - kinh doanh chính, sản xuất- kinh doanh phụ, chi phí chế biến, thuê ngoài, gia công...

Tài khoản 631:

-Bên Nợ: Phản ánh giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan tới chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ.

-Bên Có:

+ Kết chuyển giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

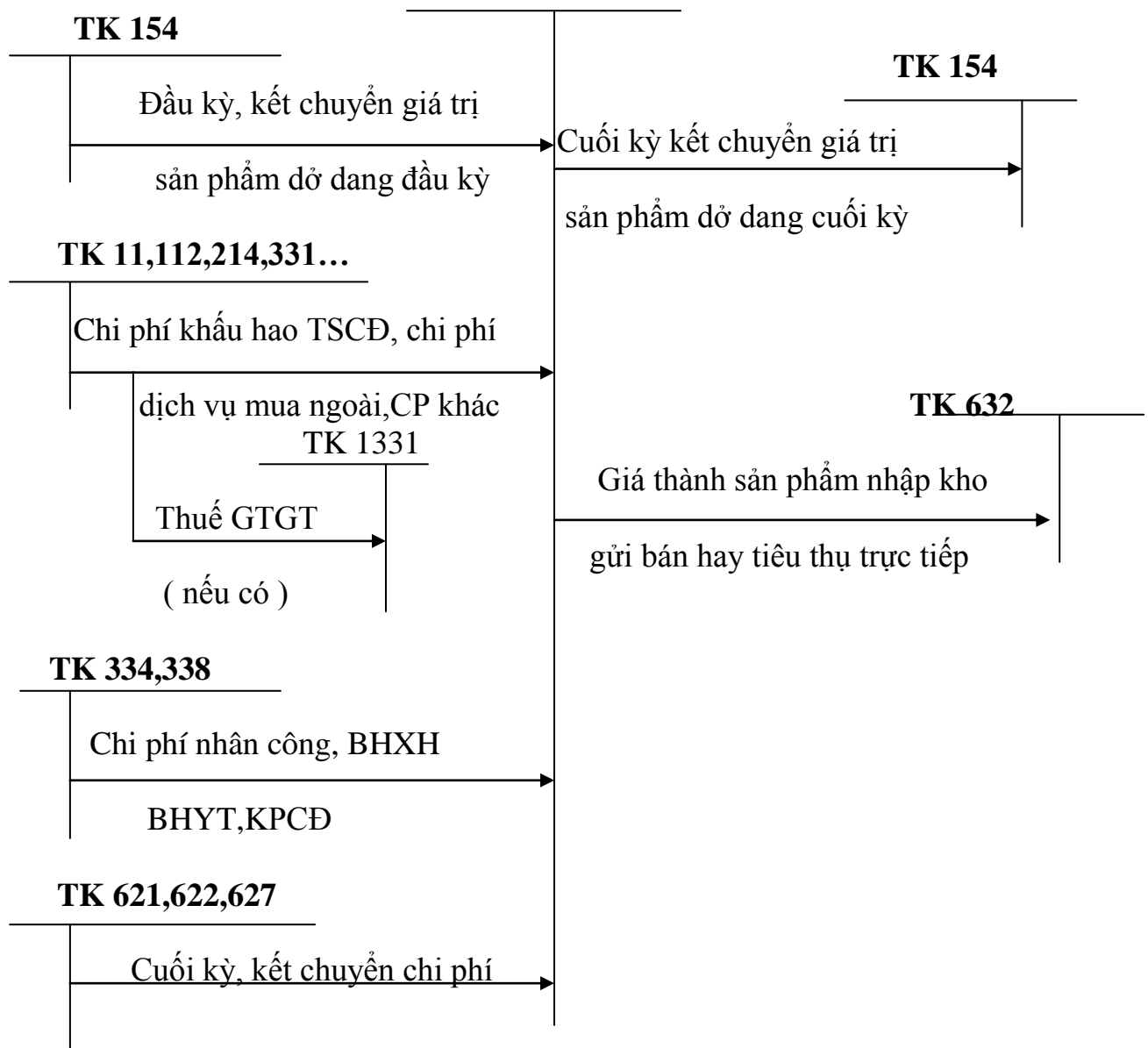
+ Tổng giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành.

Tài khoản 631 không có số dư

Cách thức hạch toán cụ thể được trình bày tại sơ đồ 1.5:

**Sơ đồ 1.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất sản phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

**TK 631**



**1.10. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất:**

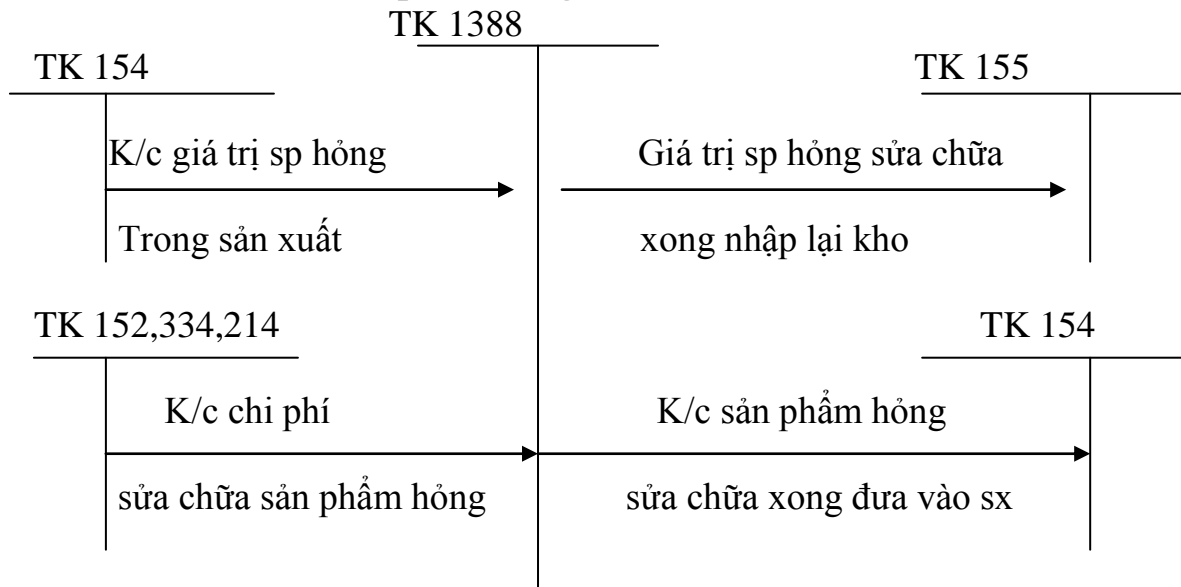
**1.10.1. Kế toán thiệt hại về sản phẩm hỏng:**

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc là đã sản xuất xong nhưng có những sai phạm về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng, mẫu mã, quy cách. Những sai phạm này có thể do những nguyên nhân liên quan trình độ lành nghề, chất lượng vật liệu, tình hình trang bị kỹ thuật, việc chấp hành kỷ luật lao động, sự tác động của điều kiện tự nhiên...

Tạo ra sản phẩm hỏng là gây ra những tổn thất nhất định đối với hoạt động của doanh nghiệp và nếu không có biện pháp kiểm tra chặt chẽ để sản phẩm hỏng đưa ra thị trường thì tổn thất này có thể hết sức lớn liên quan đến uy tín sản xuất của doanh nghiệp. Tuy nhiên khi nói đến sản phẩm hỏng thì cần phân biệt hai trường hợp : sản phẩm hỏng sửa chữa được và sản phẩm hỏng không sửa chữa được

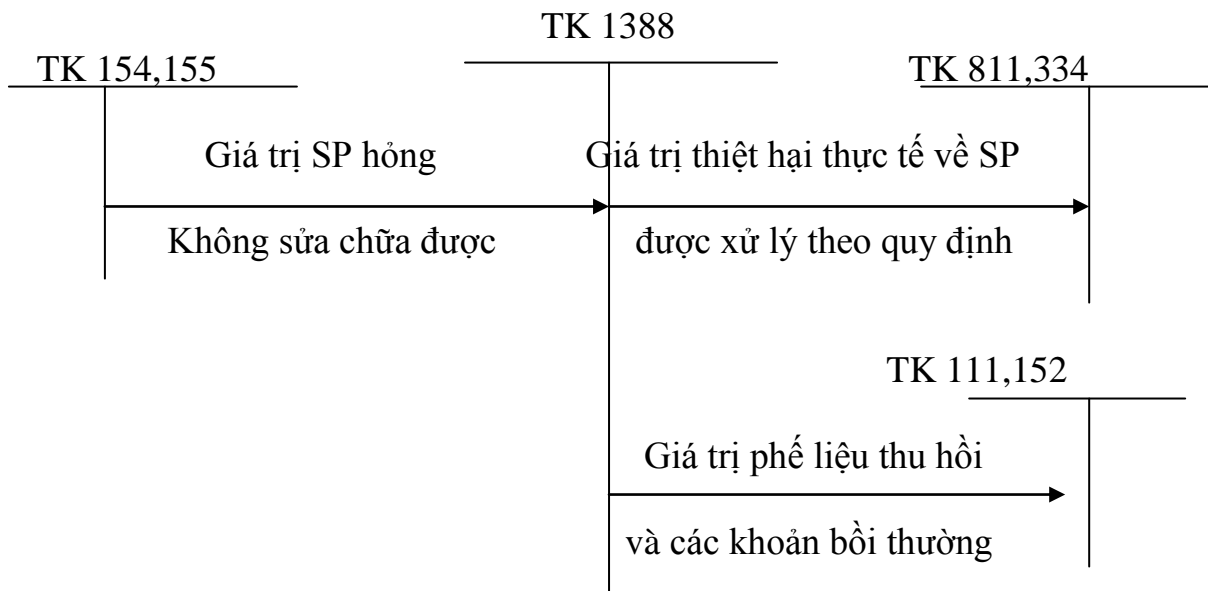
- Sản phẩm hỏng sửa chữa được : là những sản phẩm hỏng về mặt kỹ thuật có thể sửa chữa được và có lợi ích kinh tế.

**Sơ đồ 1.6. Kế toán sản phẩm hỏng sửa chữa được:**



- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: Là những sản phẩm hỏng về mặt kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc nếu sửa chữa được thì cũng không còn lợi ích kinh tế.

**Sơ đồ 1.7. Kế toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được:**



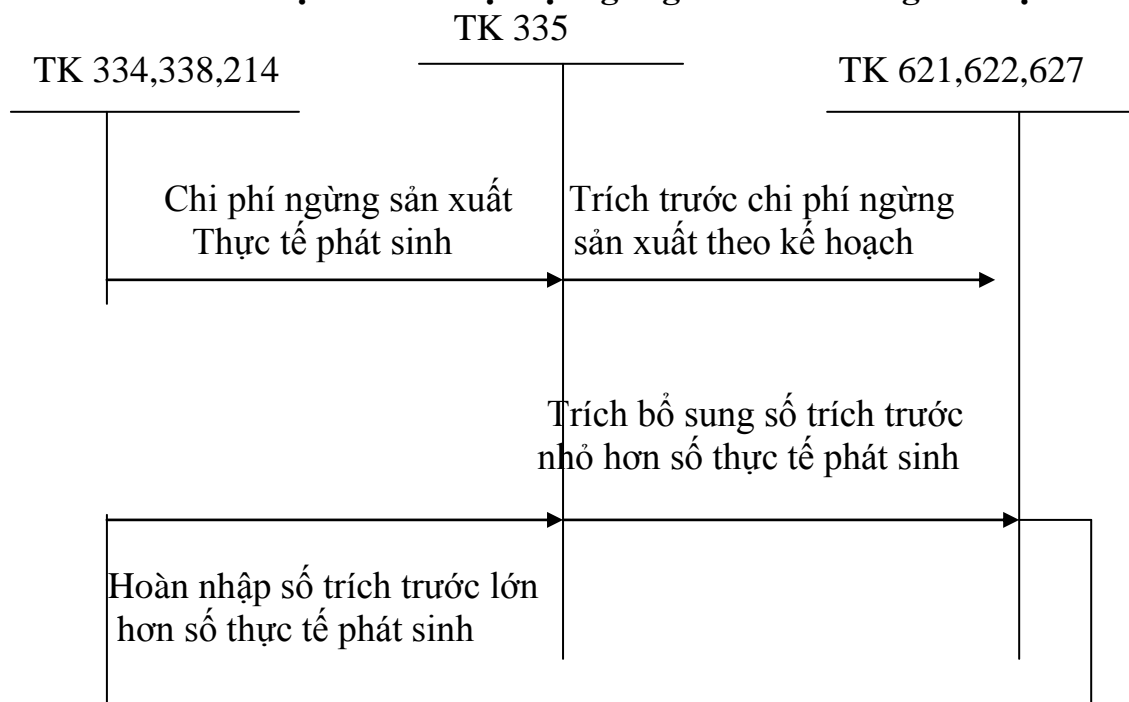
**1.10.2. Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất:**

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có thể xảy ra những khoảng thời gian phải ngừng sản xuất do bị các nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan

gây ra: thiết bị sản xuất bị hư hỏng, thiếu nguyên vật liệu, thiếu năng lượng, thiên tai, hỏa hoạn... Thời gian ngừng sản xuất là thời gian không tạo ra sản phẩm nhưng vẫn phát sinh nhiều loại chi phí để bảo vệ tài sản, bảo đảm đời sống người lao động, duy trì các hoạt động quản lý,.. Các khoản chi phí tạo ra sản phẩm nên về nguyên tắc không thể tính trong giá thành sản xuất sản phẩm mà đó là chi phí thời kỳ phải xử lý ngay trong kỳ kế toán.

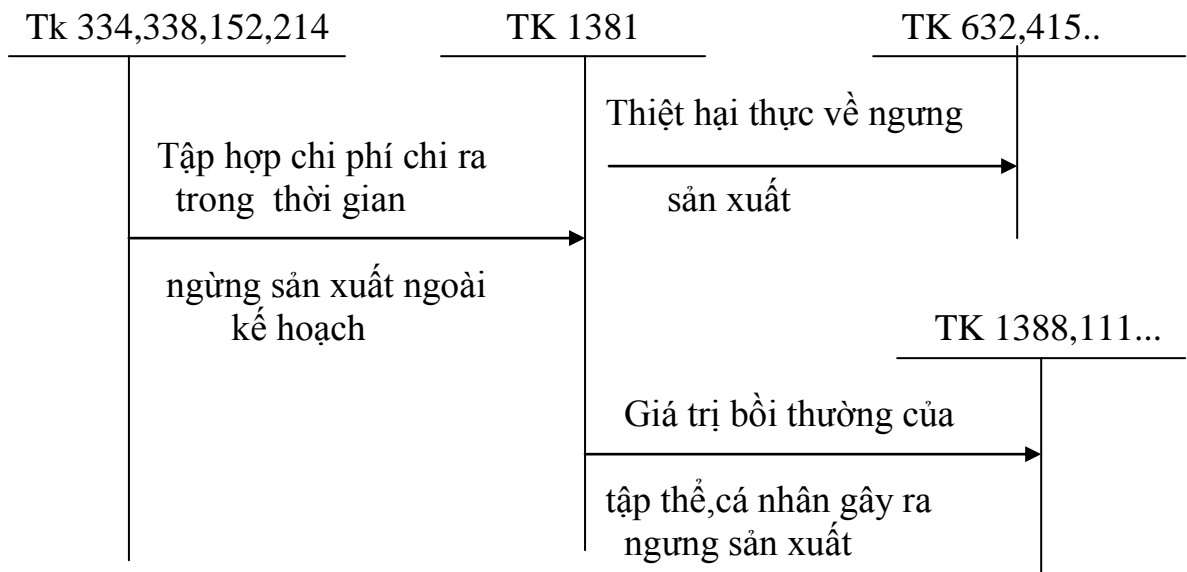
- Trường hợp ngừng sản xuất theo kế hoạch có tính chất tạm thời ( do tính thời vụ, do để bảo dưỡng, sửa chữa máy móc...) và doanh nghiệp có lập dự toán chi phí của thời gian ngừng sản xuất thì kế toán căn cứ vào dự toán để tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh.

**Sơ đồ 1.8. Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch**



- Trường hợp ngừng sản xuất ngoài kế hoạch: Các chi phí bỏ ra trong thời gian này do không được chấp nhận nên phải theo dõi riêng trên tài khoản 1381 (chi tiết thiệt hại về ngừng sản xuất) tương tự như hạch toán sản phẩm hỏng ngoài định mức nói trên. Cuối kỳ, sau khi trừ phần thu hồi (nếu có, do bồi thường), giá trị thiệt hại thực tế sẽ được tính vào giá vốn hàng bán, vào chi phí khác hay trừ vào quỹ dự phòng tài chính... Cách hạch toán có thể được phản ánh như sau:

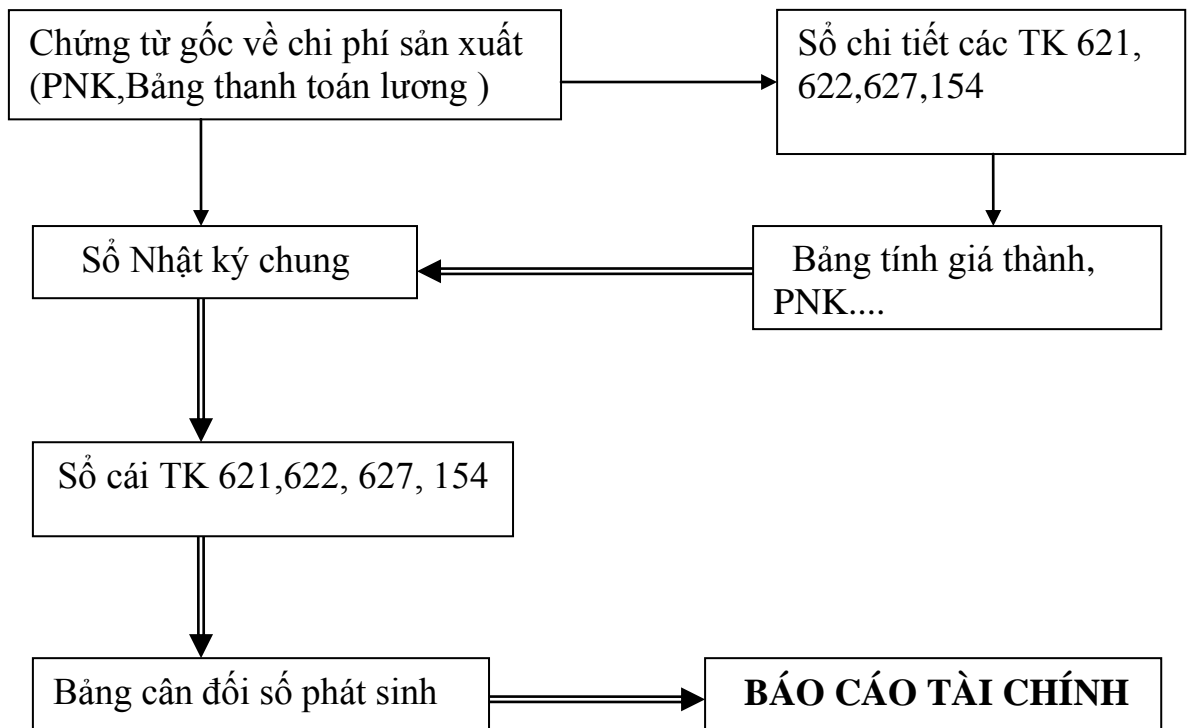
**Sơ đồ 1.9. Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch**



**1.11. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất-giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.**

**1.11.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung**

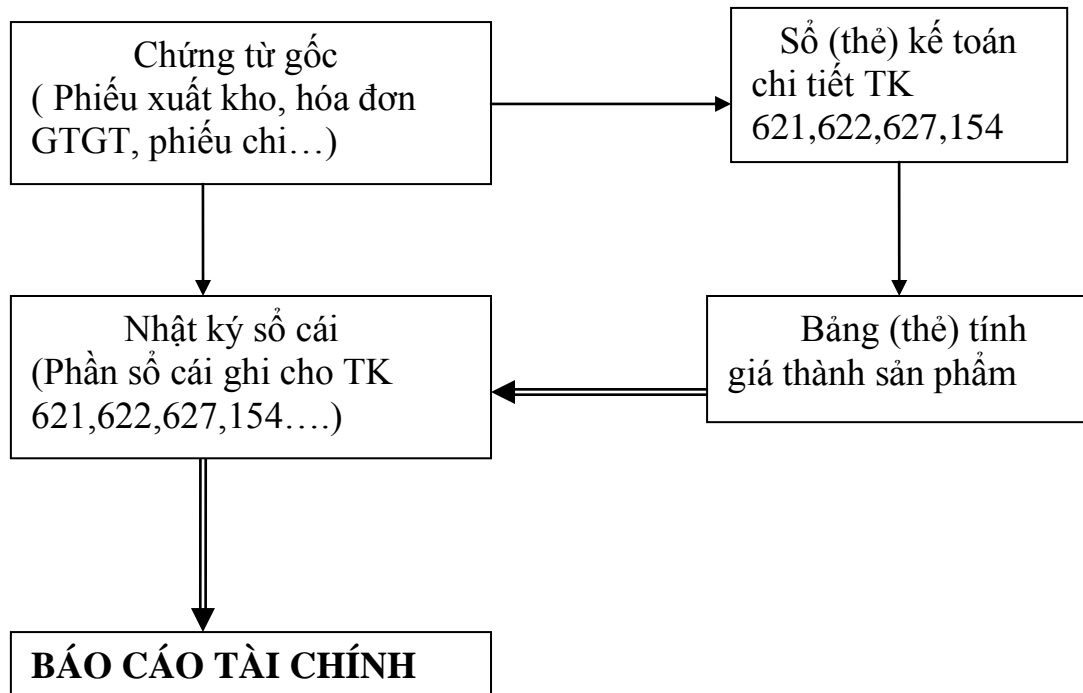
**Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



Ghi chú:   
 → Ghi hàng ngày   
 ⇨ Ghi định kỳ

### 1.11.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

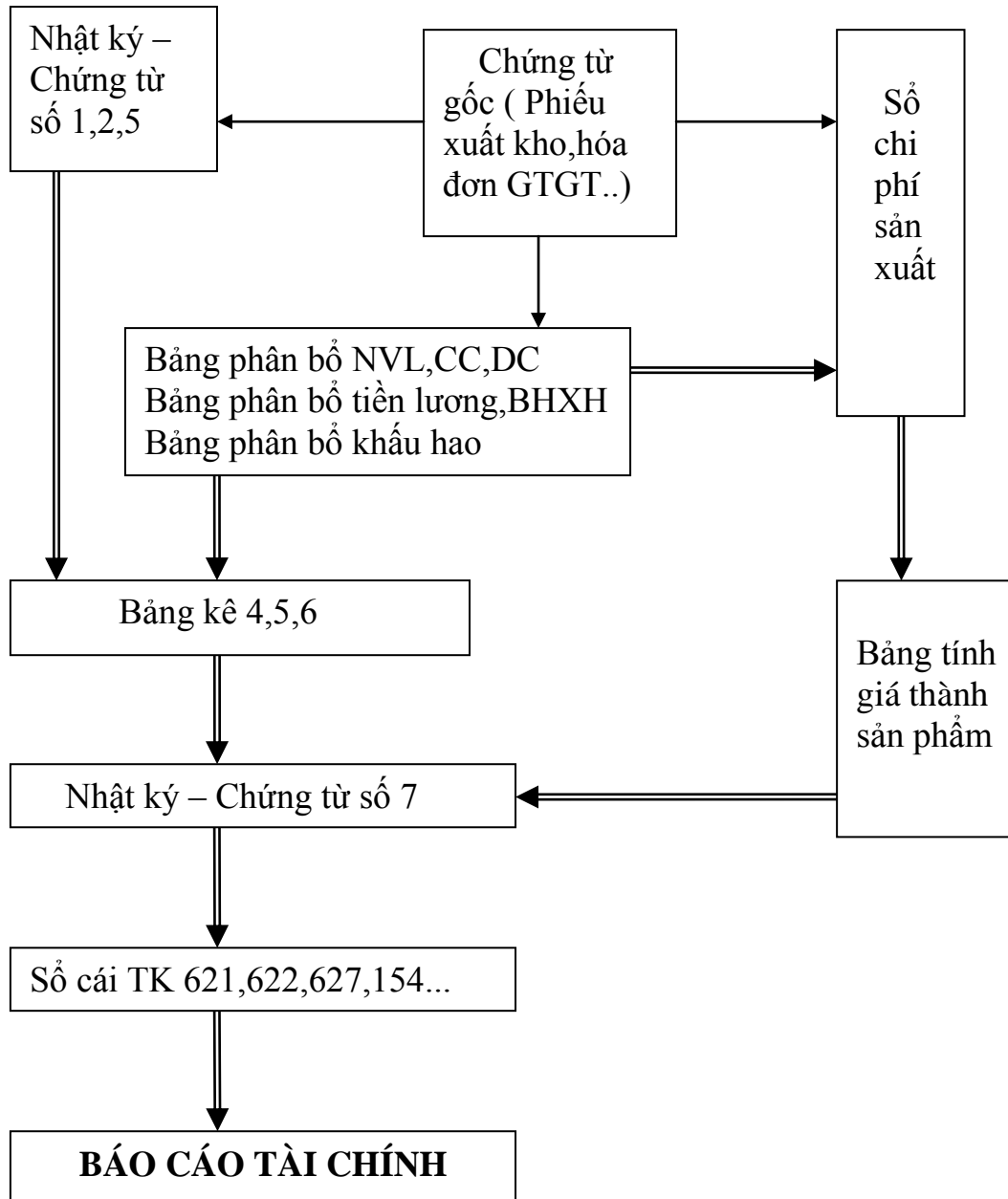
Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái



Ghi chú       $\longrightarrow$       Ghi hàng ngày  
                  $\Longrightarrow$       Ghi định kỳ

**1.11.3. Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ**

**Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – gia thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ:**

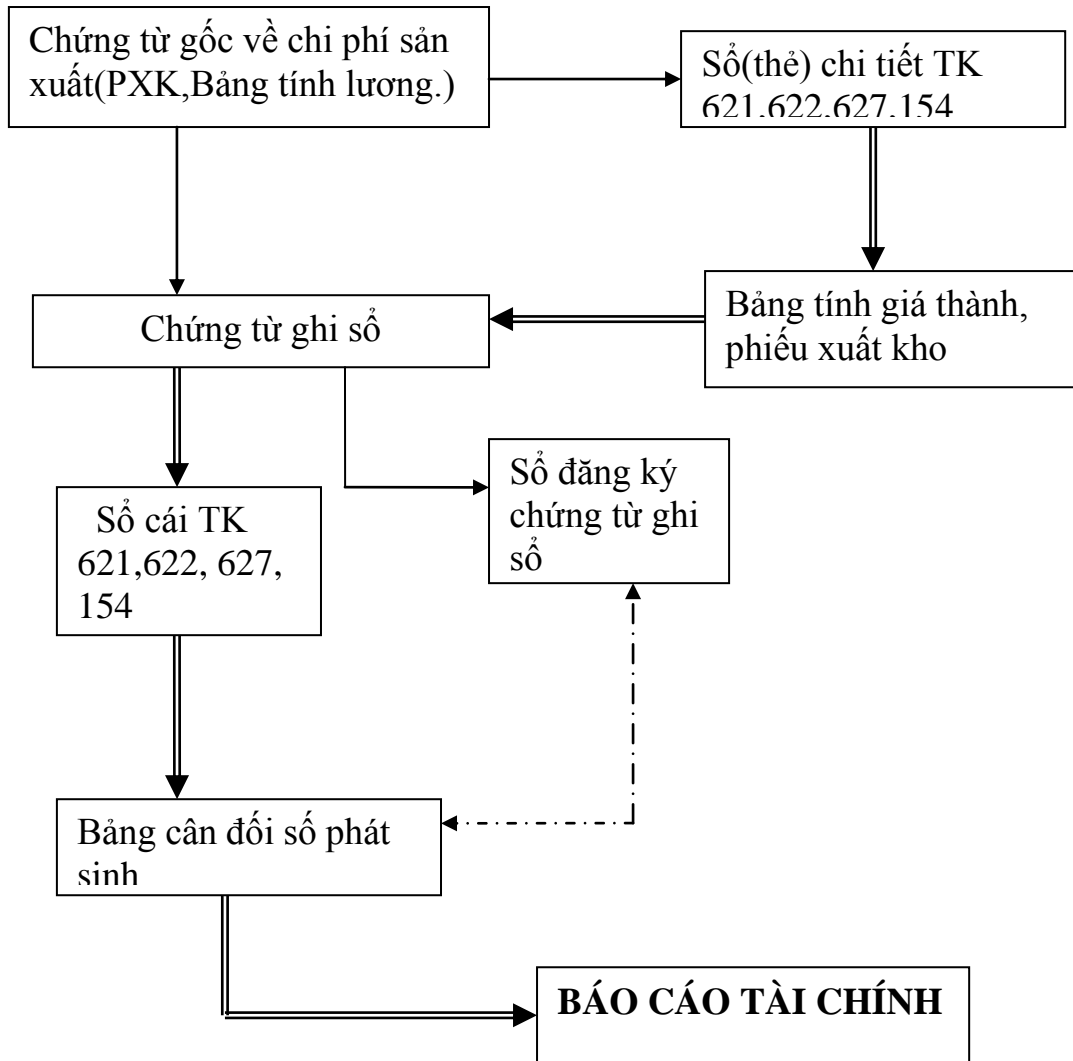


Ghi chú:  $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày  
 $\Longrightarrow$  Ghi định kỳ



1.11.4. Hình thức kế toán chứng từ- ghi sổ:

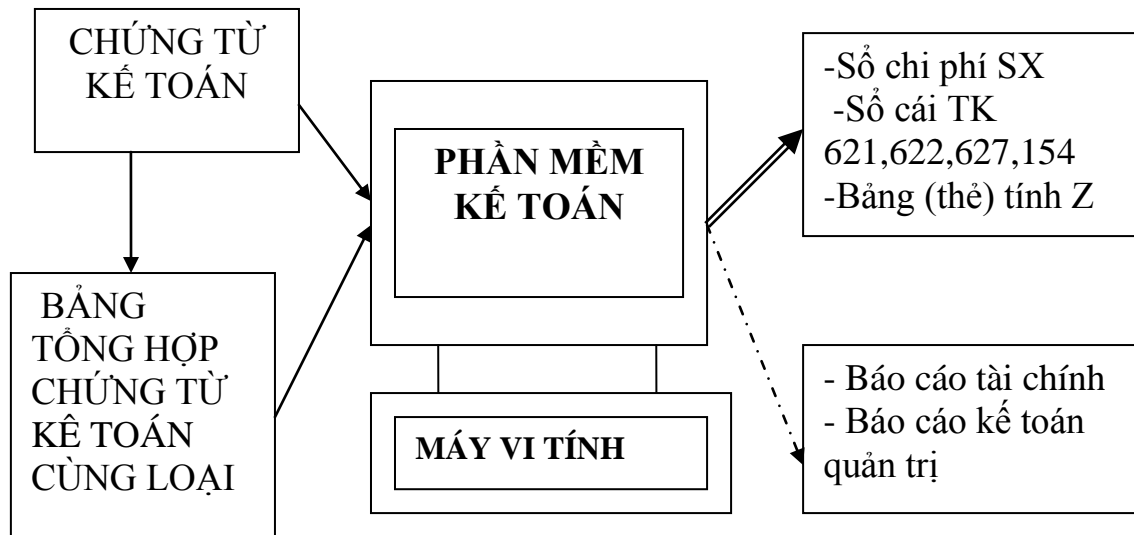
Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ



Ghi chú:                      —————> Ghi hàng ngày  
                                  ==> Ghi cuối ngày  
                                  <-----> Đối chiếu

**1.11.5. Hình thức kế toán trên máy tính:**

**Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy tính**



Ghi chú:       $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày

$\Longrightarrow$  Ghi định kỳ

$\longleftrightarrow$  Quan hệ đối chiếu

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OJITEX HẢI PHÒNG

#### 2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng

##### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng

\* Quá trình hình thành và phát triển của tập đoàn Ojipaper

Công ty Oji Paper được thành lập ngày 12/2/1873 chuyên sản xuất giấy công nghiệp. Năm 1993, Oji Paper sát nhập với Fuji Paper và Karafuto Industries, phát triển thành tập đoàn lớn chiếm 80% thị phần giấy công nghiệp tại Nhật Bản. Cũng năm 1993, Oji Paper sát nhập thêm Kanzaki Paper để trở thành New Oji Paper. Năm 1996, New Oji Paper sát nhập thêm Honshu Paper và trở lại với tên gọi Oji Paper. năm 2012, Oji Paper chuyển đổi thành hệ thống các công ty cổ phần và bắt đầu một lần nữa với cái tên Oji Holdings Corporation.

Oji Paper chuyên sản xuất giấy dùng cho in, viết và đóng gói. Công ty cũng sản xuất bao bì từ giấy.

Công ty có 86 khu vực sản xuất khắp Nhật Bản và hoạt động lâm nghiệp ở Úc, Canada, Trung Quốc, Đức, Brazil và một số nước khác khắp thế giới.

Trụ sở chính: 7-5, Ginza 4-chome, Chuo-ku, Tokyo 104-0061, Nhật Bản.

\* Quá trình hình thành và phát triển của công ty Ojitek Hải Phòng:

Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng là công ty TNHH thuộc sở hữu của công ty TNHH Oji Paper Co., Ltd (Nhật Bản) và là chi nhánh của Tổng công ty TNHH Ojitek Việt Nam. Tuy nhiên, công ty TNHH Ojitek Hải Phòng hoạt động và hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và con dấu riêng theo quy định.

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng

- Tên tiếng Anh : Ojitek Hai Phong Co., Ltd

- Trụ sở chính : Lô B-1/2/7/8 Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương , thành phố Hải phòng.

- Điện thoại : (84)-31-3-3743020

- Fax : (84)-31-3743021

- Tài khoản Ngân hàng: 160314851009294 mở tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam- Chi nhánh Hải Phòng- Hải Phòng

- Mã số thuế : 0200575693

Dây chuyền sản xuất: Sản xuất các loại bì carton sóng.

Ngày 21/7/2003, Tổng Công ty Ojitek Việt Nam ra quyết định mở thêm chi nhánh tại Hải Phòng với số vốn điều lệ 12 triệu USD và vốn pháp định là 24 triệu USD trở thành một trong số những công ty có số vốn đầu tư lớn nhất khu công nghiệp Nomura Hải Phòng. Công ty được thành lập năm 2004 với thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp Nomura Hải Phòng cấp giấy phép đầu tư số 0220430000578 cấp ngày 24/12/2004 . Và hoạt động hoàn toàn độc lập với Tổng Công ty Ojitek Việt Nam.

Có thể nói, so với hai chi nhánh khác ở Đà Nẵng và Đồng Nai thì công ty TNHH Ojitek Hải Phòng là công ty có tuổi đời non trẻ. Nhưng nhờ nền tảng tài chính và kinh nghiệm sản xuất cũng như quản lý từ tập đoàn ở Nhật Bản, cũng như sự nghiên cứu và kinh nghiệm ở thị trường Việt Nam của Tổng công ty Ojitek Việt Nam, công ty đã có những bước đi đúng đắn. Cùng với thuận lợi về đội ngũ lao động công nhân kỹ thuật tay nghề cao, có tinh thần trách nhiệm, hệ thống nhà xưởng máy móc thiết bị hiện đại, công ty đã dần khẳng định được vị thế của mình. Công ty đã xây dựng được mối quan hệ với nhiều khách hàng lớn trong và ngoài khu vực.

Năm 2005, chỉ sau một năm hoạt động, để phục vụ nhu cầu khách hàng, công ty đã thuê thêm một địa điểm tại khu công nghiệp ở Quế Võ, Bắc Ninh để sản xuất đồng thời làm một nhà kho nữa cho công ty. Thời điểm này, tuy công ty chưa ghi nhận được nhiều thành tích nhưng với việc doanh thu tăng dần theo thời gian và tạo công ăn việc làm cho ổn định cho gần 300 công nhân trong khu vực, có thể coi là những thành công bước đầu của công ty.

Nhờ chiến lược kinh doanh và sản xuất hiệu quả, công ty đã ngày càng nhận được nhiều đơn hàng lớn khiến cho quy mô sản xuất ban đầu không đủ đáp ứng. Năm 2009, công ty đã mạnh dạn đầu tư mở rộng nhà xưởng sản xuất tại trụ sở chính trong khu công nghiệp Nomura Hải Phòng và ngày càng tạo dựng niềm tin nơi khách hàng.

Năm 2011, nhận thấy trên thị trường có nhiều đối thủ cạnh tranh lớn mạnh, nhà máy hiện tại chưa đủ sức sản xuất được nhiều đơn hàng lớn và gấp. Để tránh việc khách hàng san sẻ đơn hàng hoặc chuyển hẳn sang nhà cung cấp khác, công

ty đã xây dựng một nhà máy thứ ba. Công ty TNHH Ojitek Bắc Ninh là chi nhánh của công ty TNHH Ojitek Hải Phòng có trụ sở chính ở khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh.

- Hình thức sở hữu vốn: Là công ty liên doanh giữa hai tập đoàn Oji Paper của Nhật Bản và Texken của Malaysia. Năm 2006, Oji Paper mua lại toàn bộ cổ phần và Ojitek là công ty 100% vốn đầu tư Nhật Bản, trở thành một trong những công ty sản xuất bao bì hàng đầu Việt Nam

- Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất bao bì cao cấp từ giấy, offset. Nguyên liệu chính là các loại giấy cuộn. Tùy vào chức năng, mục đích sử dụng của từng loại bao bì và phụ thuộc vào yêu cầu của đơn đặt hàng của khách hàng mà sử dụng những nguyên liệu giấy cuộn phù hợp. Việc sản xuất của công ty phụ thuộc vào đơn đặt hàng của khách hàng. Nhưng thường thì hoạt động bình thường theo những đơn đặt hàng cố định hàng tháng của những bạn hàng quen thuộc trong khu vực khu công nghiệp Nomura Hải Phòng, các doanh nghiệp trong và ngoài thành phố. Ngoài ra công ty còn có những bạn hàng ở Nhật Bản, Thái Lan, Singapore...

- Ngành nghề kinh doanh: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng là công ty chuyên sản xuất và bán các sản phẩm bao bì đóng gói chất lượng cao bao gồm cả hộp carton và các loại đồ chứa, tấm carton.

Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty trong 3 năm gần đây được thể hiện như sau:

**Bảng 2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2010-2012 của công ty**

Đơn vị: Đồng VN

STT	Chi tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Tổng doanh thu	394.894.672.744	489.548.331.036	631.149.821.772
2	Tổng doanh thu thuần	394.894.672.744	489.548.331.036	631.149.821.772
3	Tổng giá vốn hàng bán	313.026.032.316	387.695.870.276	468.933.26.572
4	Tổng lợi nhuận gộp	81.868.640.428	101.852.460.760	162.16.795.200
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	49.207.795.412	60.327.885.440	103.975.875.360
6	Thu nhập bình quân một lao động / tháng	3.608.652	4.675.292	5.063.226
7	Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước	5.023.942.708	4.070.228.588	6.538.513.212
8	Vốn kinh doanh bình quân	137.755.100.664	207.811.776146	255.907.628.364

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

Qua bảng kết quả sản xuất kinh doanh trên ta có thể thấy các chỉ tiêu Doanh thu, Lợi nhuận, Thu nhập bình quân đầu người, Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước mỗi năm đều tăng so với năm trước. Có thể nói, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có hiệu quả và cần phát huy trong thời gian tới.

**2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:**

**\* Sản phẩm sản xuất:**

- Bìa Carton dạng tấm với nhiều chủng loại khác nhau
- Thùng carton kiểu thông thường
- Thùng carton cắt bằng khuôn Die – cut
- Pallet giấy
- Các sản phẩm bao bì khác

**\* Tổ chức sản xuất:**

- Loại hình sản xuất của công ty:

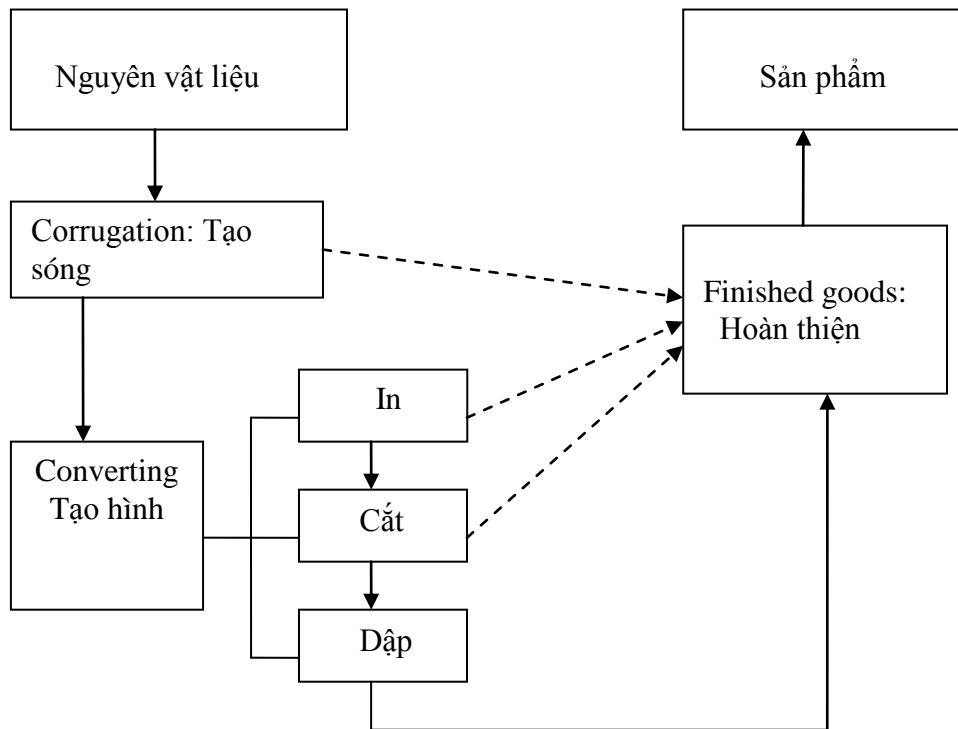
Do công ty sản xuất nhiều loại sản phẩm nên công ty lựa chọn phương thức sản xuất hàng loạt chủ yếu là theo đơn đặt hàng và sản xuất liên tục với khối lượng rất lớn.

- Chu kỳ sản xuất và kết cấu chu kỳ sản xuất:

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, không ngừng nghỉ, sản xuất 24/24h với hệ thống chia làm 3 ca hoạt động sản xuất trong ngày (sáng, chiều và đêm) cho mỗi công nhân làm việc mỗi tuần một ca. Do chủ yếu là các khách hàng đặt hàng thường xuyên và liên tục.

**\* Quy trình công nghệ:**

**Sơ đồ 2.1. Quy trình sản xuất tại công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**



( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

Từ nguyên vật liệu ban đầu (giấy cuộn), sẽ được đưa tới bộ phận Tạo sóng để sản xuất carton gợn sóng. Loại giấy này được chia làm hai loại: loại thứ nhất làm thành hai mặt ngoài của tấm carton (Liner), loại thứ hai dùng làm lớp gợn sóng là phần thân của tấm carton ( Medium)

Tiếp theo đó, các tấm (sheet) carton sẽ được chuyển tới phân xưởng in để in theo yêu cầu của khách hàng bằng máy FPS (in flexo- máy cắt khe) và máy FEG (in flexo- máy gấp – dán). Sau đó, tấm bìa carton được cắt dập bằng máy AP (máy cắt khuôn dạng thẳng) và máy FDC (in flexo – cắt khuôn Die-cut) để tạo dáng cho tấm carton.

Cuối cùng, ở bộ phận Hoàn thiện, các tấm carton sẽ được dán thành thùng carton hoàn chỉnh, loại bỏ chi tiết thừa và được đóng gói hoàn chỉnh vào từng pallet và lưu kho, tới hạn sẽ giao cho khách hàng.

Ở mỗi công đoạn, công ty luôn có bộ phận kiểm tra chất lượng để kịp thời phát hiện sai sót và khắc phục nhanh chóng. Nhằm hạn chế tối đa thiệt hại về chi phí sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm, uy tín với khách hàng.

Quy trình sản xuất có thể thay đổi theo từng loại sản phẩm theo đơn đặt hàng của khách hàng. Có trường hợp khách hàng chỉ đặt công ty sản xuất các

tấm (sheet) carton gọn sóng thì khi đó công ty chỉ đưa nguyên vật liệu giấy cuộn qua bộ phận Tạo sóng để tạo sóng rồi chuyển thẳng qua bộ phận Hoàn thiện chứ không qua Tạo hình. Nhưng trường hợp này rất ít khi xảy ra.

Bìa carton của công ty được chia làm 3 loại:

- Loại 3 lớp : gồm 1 lớp sóng và 2 lớp mặt
- Loại 5 lớp : gồm 2 lớp sóng và 3 lớp mặt
- Loại 7 lớp : gồm 3 lớp sóng và 4 lớp mặt.

### **2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:**

Bộ máy tổ chức quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng, được thể hiện trên sơ đồ 2.2:

**Tổng giám đốc:** Là người đứng đầu lãnh đạo chung toàn bộ hoạt động của công ty, chỉ đạo trực tiếp các phòng ban, chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**Phó tổng giám đốc:** Là người giúp đỡ Tổng giám đốc lãnh đạo và quản lý công ty. Mỗi Phó tổng giám đốc điều hành trực tiếp nhiều phòng ban trực thuộc

Phó giám đốc kinh doanh phụ trách công tác kinh doanh chịu trách nhiệm và điều hành phòng kinh doanh

Phó giám đốc hành chính chịu trách nhiệm và điều hành các phòng: Phòng hành chính, Phòng kế toán, Phòng kế hoạch, Phòng vật tư.

Phó giám đốc sản xuất trực tiếp chịu trách nhiệm lãnh đạo các phòng ban trực thuộc: Phòng sản xuất- kỹ thuật, Phòng Logistics, Bộ phận sản xuất.

**ISO team:** Bộ phận kiểm tra chất lượng. Đây là bộ phận rất quan trọng, không thể thiếu của công ty. Làm nhiệm vụ kiểm tra quy cách, tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm

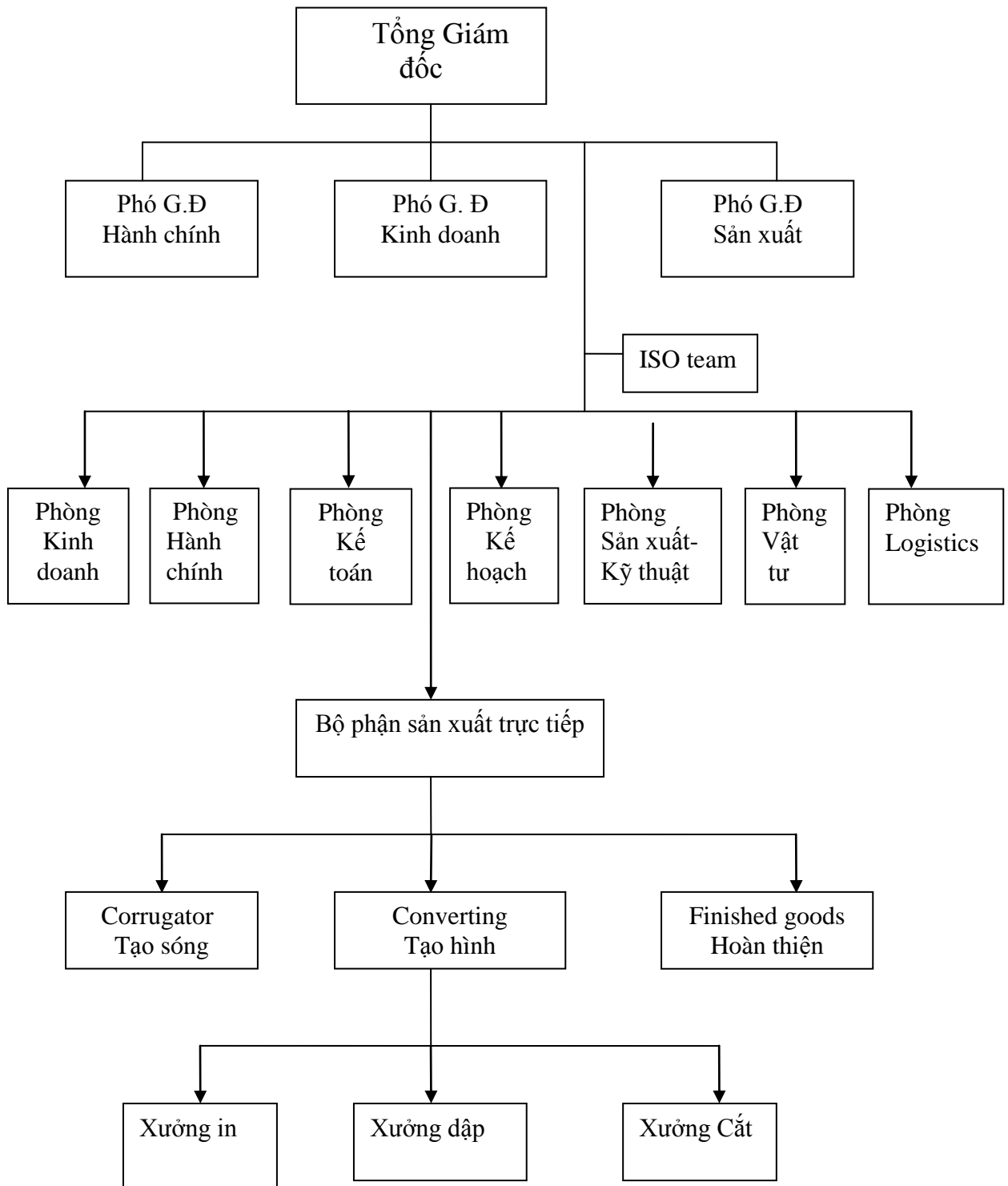
**Phòng kinh doanh:** Quản lý vật tư, thiết bị, công cụ dụng cụ sản xuất; cung ứng mua, cấp, phát vật tư thiết bị theo yêu cầu của các bộ phận. thực hiện nhiệm vụ marketing và bán hàng cho công ty

**Phòng hành chính :** Tham mưu cho giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ tuyển dụng lao động, công tác khen thưởng cho CBNV. Tổ chức phục vụ đời sống ăn ở điện nước sinh hoạt cho CBNV, đón tiếp khách giao dịch của Công ty.

**Phòng kế toán:** Chi tiết ở phần ( 2.1.4 )



**Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức quản lý tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**



**Phòng Kế hoạch:** Tham gia công tác kế hoạch sản xuất, theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từng tháng, quý, năm của Công ty; giải quyết các đơn đặt hàng cũ và mới. Lập kế hoạch, khảo giá mua vật tư thiết bị; xây dựng kế hoạch phát triển của công ty.

**Phòng vật tư:** Thực hiện công tác thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh, quản lý vật tư chưa sử dụng đến, xuất vật tư khi có yêu cầu của phòng kế hoạch, phòng sản xuất.

**Phòng Logistics:** Thực hiện nhiệm vụ làm thủ tục nhập xuất vận chuyển hàng hóa, làm thủ tục hải quan cho hàng hóa.

**Phòng sản xuất- kỹ thuật:** Thực hiện nhiệm vụ quản lý quy trình sản xuất của công ty. Giải quyết và bàn giao các đơn đặt hàng của khách hàng. Theo dõi tiến độ sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm:

**Bộ phận Tạo sóng:** Nhận NVL chính giấy cuộn từ Phòng vật tư, cán thành các tấm (sheet) giấy bìa carton.

**Bộ phận Tạo hình:** Nhận tấm (sheet) giấy bìa carton từ bộ phận Tạo sóng và dần hoàn thiện ở các xưởng. Công đoạn này có thể thay đổi theo từng loại sản phẩm.

**Xưởng in:** Các tấm (sheet) giấy bìa cứng sẽ được đưa qua máy FFG hoặc máy FFS để in mẫu mã bao bì theo yêu cầu của khách hàng.

**Xưởng dập:** Những sản phẩm đi qua công đoạn này được dập tại máy AP

**Xưởng cắt:** Những sản phẩm đi qua công đoạn này được đưa vào máy SG và cắt thành từng đơn vị bán thành phẩm hoặc thành phẩm

**Bộ phận Hoàn thiện:** Bán thành phẩm được chuyển từ công đoạn Tạo sóng hoặc Tạo hình được hoàn thiện tại đây.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng:**

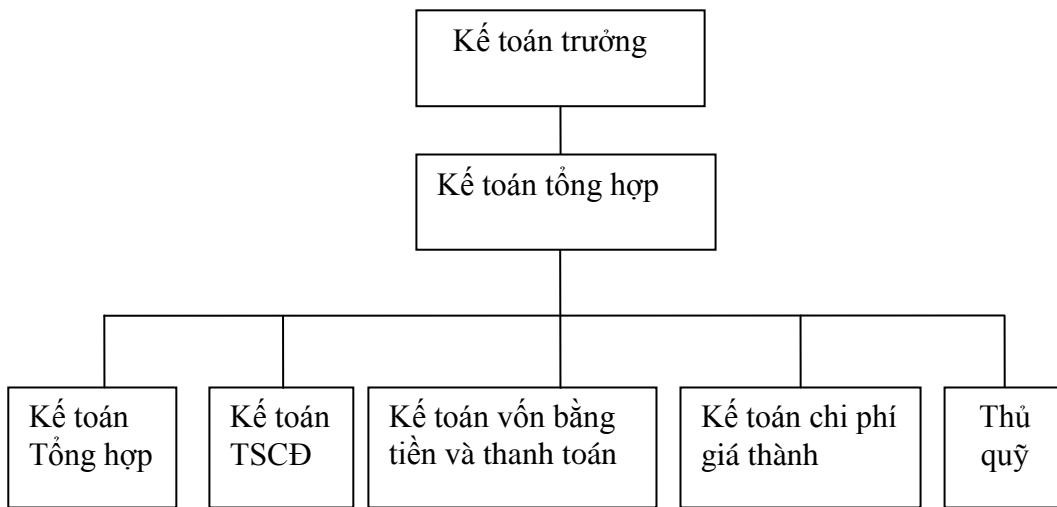
##### **\* Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán:**

Phòng kế toán của công ty TNHH Ojitex Hải Phòng có 5 nhân viên kế toán bao gồm cả kế toán trưởng (Có trình độ chuyên môn từ Cao đẳng trở lên). Vì mỗi nhân viên đều đảm nhận phần việc quan trọng nên đòi hỏi phải có sự cố gắng và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Bộ máy kế toán trong công ty được tổ chức theo mô hình tập trung sau:

**Sơ đồ 2.4. Mô hình tập trung bộ máy kế toán tại công ty TNHH Ojitec**

**Hải Phòng:**



Cụ thể chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

- **Kế toán trưởng:** Là người tổ chức và chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ và hiệu quả, kiểm tra kiểm soát hoạt động kế toán và là người chịu trách nhiệm về báo cáo kế toán

- **Kế toán tổng hợp:** Có trách nhiệm chủ yếu là tổ chức, kiểm tra tổng hợp lập báo cáo cho công ty, giúp kế toán trưởng tổ chức bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán. Tổ chức kế toán tổng hợp và các chi tiết nội dung hạch toán còn lại như: nguồn vốn kinh doanh, các quỹ doanh nghiệp. Mặt khác kế toán tổng hợp còn kiêm luôn nhiệm vụ kế toán tiền lương.

- **Kế toán TSCĐ:** Có nhiệm vụ chủ yếu là phản ánh số hiện có, tình hình tăng giảm, tình hình sử dụng xe ô tô và các TSCĐ khác của Công ty, tính khấu hao, theo dõi sửa chữa thanh lý, nhượng bán xe ô tô và các TSCĐ khác của Công ty và còn có nhiệm vụ thanh toán công nợ và thanh toán với Nhà nước.

- **Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán:** Theo dõi và hạch toán kế toán vốn bằng tiền, tài sản cố định và tài sản lưu động, nguồn vốn và các quỹ đơn vị, theo dõi chi phí và các khoản công nợ nội bộ, thanh toán với ngân sách Nhà nước và phân phối lợi nhuận.

- **Kế toán chi phí giá thành:** Hàng tháng tập hợp tất cả các chi phí sản xuất phát sinh ở các bộ phận, tiến hành phân bổ chi phí sản xuất và tính giá thành cho từng sản phẩm.

- **Thủ quỹ:** Hàng tháng vào sổ quỹ, lên các báo cáo quỹ, bảo quản tiền. Và thực hiện các nhiệm vụ thu chi, kiểm kê tiền định kỳ. Chịu trách nhiệm và bồi thường khi để xảy ra thất thoát do chủ quan gây ra và phải nghiêm chỉnh tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý tiền.

**\*Chính sách kế toán áp dụng:**

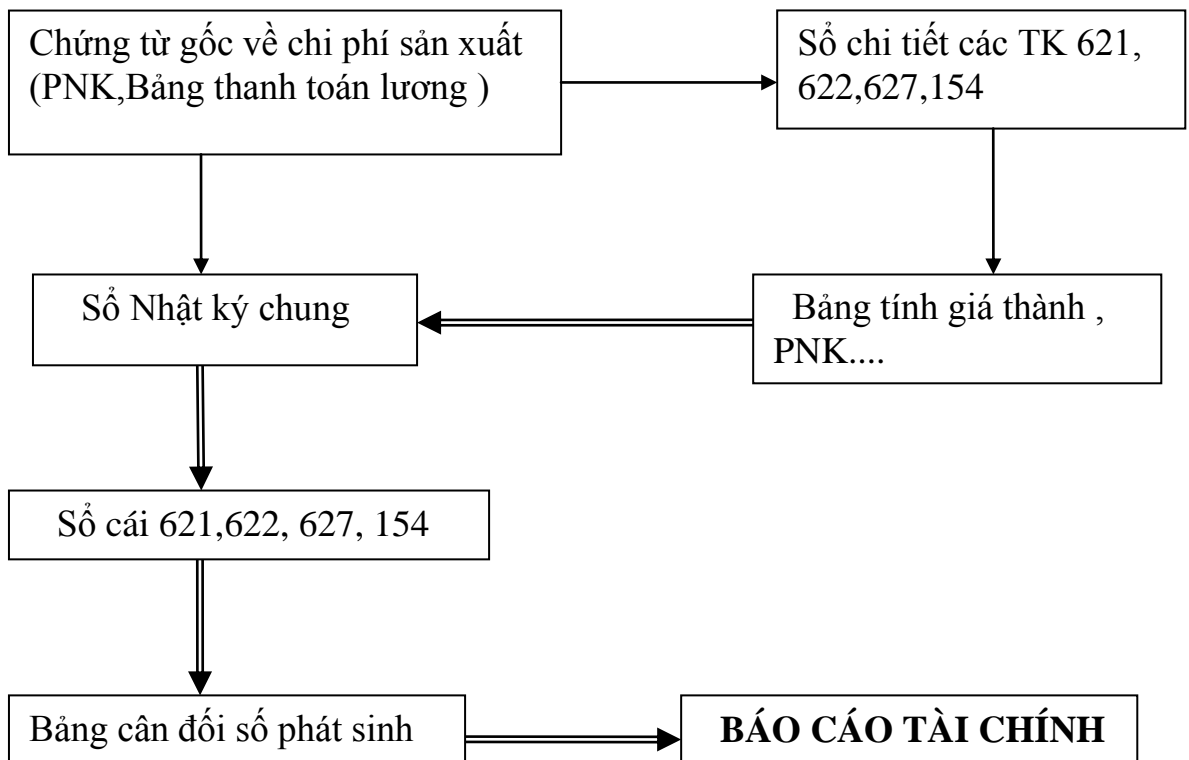
- **Kỳ kế toán :** Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

- **Đơn vị tiền tệ để ghi chép sổ kế toán :** Đồng Việt Nam.

- **Chế độ kế toán** áp dụng theo QĐ số 15/2006/QSS-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Hình thức kế toán áp dụng:** Hình thức Nhật ký chung

**Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng**



Ghi chú:   
—————> Ghi hàng ngày  
=====> Ghi định kỳ

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng)

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho:** Phương pháp bình quân liên hoàn.
- **Phương pháp tính giá thành:** Phương pháp giản đơn.
- **Phương pháp khấu hao TSCĐ:** Phương pháp đường thẳng.
- **Phương pháp tính thuế GTGT :** Phương pháp khấu trừ.

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng.**

### **2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng:**

Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng có đặc điểm quá trình sản xuất sản phẩm trải qua nhiều công đoạn, số lượng mã sản phẩm và khối lượng sản phẩm sản xuất lớn. Nên để đơn giản cho quá trình hạch toán chi phí sản xuất, kế toán công ty đã phân loại chi phí theo khoản mục chi phí:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: gồm toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính (giấy cuộn) và nguyên vật liệu phụ (hồ dán, mực in...) và nhiên liệu (xăng, dầu, điện...)
- Chi phí nhân công trực tiếp: gồm tiền lương, thưởng, các khoản phụ cấp phải trả, các khoản trích theo lương cho công nhân trực tiếp sản xuất ra sản phẩm giấy.
- Chi phí sản xuất chung: gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng không trực tiếp sản xuất giấy, chi phí khấu hao tài sản cố định, công cụ dụng cụ, chi phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất...

### **2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng:**

#### **\* Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng:**

Trong công tác hạch toán chi phí sản xuất, việc xác định chính xác đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là nhiệm vụ đầu tiên có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng tới độ chính xác, kịp thời và đầy đủ của thông tin kế toán từ quá trình tập hợp chi phí sản xuất. Do đó, để phục vụ yêu cầu quản lý chi phí sản xuất, yêu cầu chính xác của việc tính giá thành sản phẩm, việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phải phù hợp với tình hình tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.

Do đặc điểm sản xuất của công ty TNHH Ojitek Hải Phòng là sản xuất theo đơn đặt hàng vì vậy đối tượng tập hợp chi phí sản xuất được kế toán xác định là từng đơn đặt hàng sản xuất.

**\* Đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng:**

Với đặc điểm sản xuất là theo đơn đặt hàng, vì vậy đối tượng tính giá thành tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng được xác định là sản phẩm của từng đơn hàng

**2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng:**

**\* Kỳ tính giá thành tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng:**

Công ty chọn kỳ tính giá thành là hàng tháng.

Để minh họa cho dòng chảy số liệu, bài viết lấy số liệu quá trình sản xuất bao bì carton phục vụ cho đơn đặt hàng 1774 ( Mã code sản phẩm, trong đó 17 là mã của khách hàng Canon, 74 là thứ tự của sản phẩm mà khách hàng đặt ) sản xuất vỏ thùng đựng máy in Laser màu Canon LBP 5050

Theo như đơn đặt hàng, Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng phải sản xuất 6500 vỏ thùng loại 5 lớp khổ 70cm x 80cm tương ứng với tổng cộng 36.400 m<sup>2</sup> - bìa carton cần sản xuất.

**2.2.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**

**2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng:**

**\* Chứng từ sử dụng:** Công ty sử dụng tài khoản 621 " Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp" được chi tiết theo từng đơn đặt hàng.

**\* Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 621

- Sổ chi tiết TK 621 theo từng đơn đặt hàng

**\* Nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng:**

Nguyên vật liệu trực tiếp được dùng để sản xuất sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng được chia làm thành 2 loại chính: nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ.

- Nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất bao bì carton là giấy cuộn

- Nguyên vật liệu phụ dùng để sản xuất bao bì carton là Hồ bột sắn, mực in...

Hàng tháng, Phòng kinh doanh sẽ chuyển đơn đặt hàng của khách hàng đến phòng kế hoạch. Phòng kế hoạch sẽ căn cứ vào khối lượng sản phẩm cũng như quy cách sản phẩm trong đơn đặt hàng, so sánh với khối lượng nguyên vật liệu tồn kho để tính toán và xây dựng kế hoạch thu mua nguyên vật liệu cho Phòng vật tư để đặt mua nguyên vật liệu

Khi nhà cung cấp chuyển nguyên vật liệu tới, thủ kho, kỹ thuật viên kiểm tra chất lượng, số lượng và quy cách nguyên vật liệu so với đơn đặt hàng. Sau đó, căn cứ theo thực tế nhập kho, thủ kho sẽ lập phiếu nhập kho và gửi cho nhân viên kế toán cùng với Hóa đơn GTGT.

***Ví dụ :*** Ngày 9/6/2012 Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng mua nguyên vật liệu giấy cuộn của Công ty TNHH Giấy Kraft Vina theo hóa đơn số 0000744 như biểu 2.1

**Biểu 2.1. Hóa đơn Giá trị gia tăng mua giấy cuộn của Công ty Giấy Kraft Vina**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho người mua

**Công ty TNHH Giấy Kraft Vina**

Địa chỉ: D-6A-KCN Mỹ Phước 3- Huyện Bến Cát  
-tỉnh Bình Dương- Việt Nam

Điện thoại: 0650 3577 326 – Fax: 06503577315

Mã số thuế: **3700777421**

Mẫu số: **01GTKT3/001**

Ký hiệu: **AA/12P**

Số: 0000744

Ngày : 09/06/2012

Tên người mua hàng/Tên đơn vị: Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng

Địa chỉ: Lô B1/B2/B7/B8, Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: (031)3743020 Mã số thuế: 020575693 Số tài khoản: 511-3000-141844

<b>ST T</b>	<b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>Đ.v tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
1	Giấy bao bì KP250D 150 DIA	Tấn	1,575	13.191.500	20.776.613
2	Giấy bao bì KP275D 095 DIA	Tấn	3,001	13.191.500	39.587.692
3	Giấy bao bì KP275D 120 DIA	Tấn	20,182	13.191.500	266.230.853
	Cộng tiền hàng				326.595.158
	Thuê GTGT 10%		Tiền thuế GTGT		32.659.516
	Tổng cộng tiền thanh toán				359.254.674

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm năm mươi chín triệu, hai trăm năm mươi bốn ngàn sáu trăm bảy mươi bốn đồng.

**Người mua hàng**  
Ký, ghi rõ họ tên

**Người bán hàng**  
Ký, ghi rõ họ tên

**Thủ trưởng đơn vị**  
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng)



Căn cứ vào HĐ GTGT, kế toán lập phiếu nhập kho số 1606 như biểu 2.2:

**Biểu 2.2:**

**Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**  
**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

Mẫu số 01-VT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 09 tháng 06 năm 2012 Nợ TK 1521: 326.595.158  
Số : PN016/06 Có TK 331: 326.595.158

Họ tên người giao: Trần Quốc Hùng  
Theo HĐ GTGT số 0000744 ngày 17 tháng 06 năm 2012 của CTY Kraft Vina  
Nhập tại kho: Kho số 01

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo Chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Giấy bao bì KP250D 150 DIA		kg	1.575	1.575	13.191,500	20.776.613
2	Giấy bao bì KP275D 095 DIA		kg	3.001	3.001	13.191,500	39.587.692
3	Giấy bao bì KP275D 120 DIA		kg	20.182	20.182	13.191,500	266.230.853
	<b>Cộng</b>						<b>326.595.158</b>

- Tổng số tiền( viết bằng chữ): Ba trăm hai mươi sáu triệu năm trăm chín mươi năm ngàn một trăm năm mươi tám đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo : 01

Ngày 09 tháng 6 năm 2012

**Người lập phiếu**  
( Ký, họ tên )

**Người giao hàng**  
( Ký, họ tên )

**Thủ kho**  
( Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên )

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

Căn cứ vào Phiếu Nhập Kho, kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu như biểu 2.3:

**Biểu 2.3:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S10-DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC*

*ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

**Năm 2012**

**Tài khoản 152**

**Tên kho: Kho vật tư**

Tên, quy cách nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa ): Giấy bao bì KP275D 120 DIA

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8
		Số dư đầu tháng 6		13.190,600					23.806	314.015.424	
PN16/06	9/6	Mua giấy của Kraft Vina	331	13.191,500	20.182	266.230.853			43.988	580.246.277	
PX12/06	11/6	Xuất giấy cho đơn 1774	621	13.191,013			40.000	527.640.520	3.988	52.605.757	
PX15/06	15/6	Xuất cho đơn 1774	621	13.191,013			2.800	36.934.836	1.188	15.670.921	
		Cộng phát sinh			20.182	266.230.853	<b>42.800</b>	<b>564.575.356</b>			
		Số dư cuối tháng 6							1.188	15.670.921	

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên )

**Giám đốc**  
( Ký, họ tên, đóng dấu )

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng )

**Khóa Luận Tốt Nghiệp**

Căn cứ vào định mức vật tư cần dùng cho đơn hàng số 1774, bộ phận kỹ thuật lập lệnh xuất vật tư để sản xuất sản phẩm cho đơn đặt hàng số 1774 và chuyển cho bộ phận vật tư. Bộ phận vật tư viết phiếu xuất kho để chuyển xuống kho thực hiện việc xuất vật tư theo phiếu xuất số 12/06 ( Biểu 2.4 )

**Biểu 2.4:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng**  
**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S02-VT**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 11 tháng 6 năm 2012

Số : **PX 12/06**

Họ tên người nhận hàng: Lê Thị Vân Anh

Địa chỉ: Bộ phận Tạo sóng

Lý do xuất kho: Dùng cho sản xuất đơn hàng 1774 tháng 6

Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Giấy bao bì KP 275D 120 DIA		kg	40.000	40.000	13.191,013	527.640.520
	<b>Cộng</b>						<b>527.640.520</b>

Tổng số tiền ( viết bằng chữ): Năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm hai mươi đồng.

**Người lập phiếu**  
( Ký, họ tên)

**Người nhận hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng)

***Khóa Luận Tốt Nghiệp***

---

---

Do công ty áp dụng tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn nên giá vốn xuất kho được tính ngay khi xuất kho.

Giá xuất kho của giấy bao bì KP275D 120 DIA được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị tồn từ lần xuất trước} + \text{Giá trị nhập đến lần xuất này} \\ \text{Trị giá xuất kho} = \frac{\text{Số lượng tồn từ lần xuất trước} + \text{Số lượng nhập đến lần xuất này}}{\text{Số lượng tồn từ lần xuất trước} + \text{Số lượng nhập đến lần xuất này}} \\ = \frac{314.015.424 + 266.230.853}{23.806 + 20.182} \\ = 13.191,013 \text{ đồng/ kg} \end{aligned}$$

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi sổ chi tiết tài khoản 621 như biểu 2.5:

**Biểu 2.5:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Đối tượng: Đơn đặt hàng số 1774

Tháng 6 năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 6					
		Số phát sinh trong tháng					
PX12/06	11/6	Xuất kho giấy cuộn	152	527.640.520		527.640.520	
PX15/06	15/6	Xuất kho giấy cuộn	152	36.934.836		564.575.356	
PKT13/06	30/6	Kết chuyển NVL	154		564.575.356		564.575.356
		Cộng số phát sinh		<b>564.575.356</b>	564.575.356		
		Số dư cuối tháng 6				-	-

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên )

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu nhập, phiếu xuất kho, kế toán ghi sổ Nhật ký chung như biểu 2.6:

**Biểu 2.6:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S03 - DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
			.....					
9/6	PN16/06 HĐ0000744	9/6	Nhập kho giấy cuộn mua của cty Kraft Vina			152 133 331	326.595.158 32.659.516	359.254.674
			.....					
11/6	PX12/06	11/6	Xuất kho giấy sản xuất đơn hàng 1774			621 152	527.640.520	527.640.520
			.....					
15/6	PX15/06	15/6	Xuất kho giấy sản xuất đơn hàng 1774			621 152	36.934.836	36.934.836
			.....					
			Cộng phát sinh tháng 6				45.490.980.000	45.490.980.000

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)  
(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

**Giám đốc**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Căn cứ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái như biểu 2.7:

**Biểu 2.7:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S03b -DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 củ Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Năm 2012

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		T	D		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh tháng 6					
			...					
11/6	PX12/06	11/6	Xuất cho đơn 1774			152	<b>527.640.520</b>	
11/6	PX13/06	11/6	Xuất cho đơn 6412			152	130.960.500	
12/6	PX14/06	12/6	Xuất cho đơn 7336			152	360.980.700	
15/6	PX15/06	15/6	Xuất cho đơn 1774			152	<b>36.934.836</b>	
			....					
			Cộng phát sinh T6				<b>10.018.999.210</b>	<b>10.018.999.210</b>
			Số dư cuối tháng					

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

#### **2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng**

**\*Chứng từ sử dụng:**

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương

**\*Tài khoản sử dụng:** Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng sử dụng tài khoản 622 "Chi phí nhân công trực tiếp"

**\*Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 622

**\*Nội dung hạch toán Chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:**

Việc tính và trả lương cho cán bộ công nhân tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng được thực hiện theo hình thức lương thời gian theo công thức sau:

$$\text{Lương tháng} = \frac{\text{Mức lương} \times \text{Số ngày làm}}{\text{hợp đồng} \quad \text{việc thực tế}} \\ \text{Số ngày làm việc theo quy định}$$

Ngoài tiền lương công nhân viên còn được nhận những khoản phụ cấp khác cũng như các khoản trợ cấp phúc lợi xã hội

\* Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng thực hiện chế độ cho người lao động đầy đủ, bao gồm:

- Quỹ bảo hiểm xã hội là quỹ để trợ cấp cho người lao động có tham gia đóng góp quỹ trong các trường hợp họ bị mất khả năng lao động.

$$\text{Quỹ BHXH} = \text{tổng lương thực tế} \times 24\%$$

Trong đó: 17% tính vào cho người sử dụng lao động

7% tính vào cho người trực tiếp lao động

- Quỹ BHYT là quỹ trợ cấp cho người tham gia đóng góp quỹ trong các trường hợp khám chữa bệnh.

$$\text{Quỹ BHYT} = \text{tổng tiền lương thực tế phải trả} \times 4,5\%$$

Trong đó : 3% tính vào cho người sử dụng lao động

1,5% tính vào cho người trực tiếp lao động

- Ngoài ra để có nguồn kinh phí cho hoạt động công nhân hàng tháng công ty còn phải tính theo tỷ lệ 2% đối với tổng số tiền lương thực tế phát sinh,



tính vào chi phí kinh doanh để hình thành kinh phí công đoàn (KPCĐ)

Kinh phí công đoàn = tiền lương thực tế x 2%

- Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN): là khoản hỗ trợ tài chính tạm thời dành cho những người bị mất việc không do lỗi của cá nhân họ..

*Bảo hiểm thất nghiệp = tiền lương thực tế phải trả x 2%*

Trong đó: 1 % tính cho người sử dụng lao động

1% tính cho người trực tiếp lao động

Hàng ngày, trước khi đi vào làm việc hay trước khi ra về, tất cả các cán bộ công nhân viên của công ty đều phải điểm danh qua hệ thống điểm danh bằng dấu vân tay. Hệ thống sẽ tự động lên danh sách cụ thể số lượng công nhân viên đi làm và về của công nhân viên. Như vậy, sẽ giúp cho việc lập bảng chấm công được chính xác và đầy đủ.

Ví dụ: Đề minh họa cách tính chi phí nhân công trực tiếp, bài viết lấy số liệu về cách tính lương của tổ máy tạo sóng thuộc bộ phận trực tiếp sản xuất sản phẩm.

Cụ thể, lương của anh Nguyễn Quang Minh (Tổ máy tạo sóng ) được tính như sau:

$$\begin{aligned} \text{Lương tháng 6} &= \frac{\text{Lương hợp đồng} \times \text{Số ngày làm việc trong tháng 6}}{26 \text{ ngày}} \\ &= \frac{7.000.000 \times 24}{26} = 6.461.538\text{đ} \end{aligned}$$

Trừ đi các khoản bảo hiểm trừ vào lương thì còn thực lĩnh được là:

$$\text{Lương thực lĩnh} = 6.461.538 - 203.300 = 6.258.238 \text{ đ}$$

**Biểu 2.8:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số: 01a-LĐTL**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**TRÍCH BẢNG CHẤM CÔNG**

*Tháng 6 năm 2012*

ST T	Họ và tên	Ngày trong tháng																														
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	Tổng
A	B	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	
	<b>Tổ tạo sóng</b>																															
1	Nguyễn Q Minh	x	x		x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	24	
2	Trần T Tú	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	26	
3	Ng V An	x	x		x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	25	
4	Hoàng V Hải	x	x		x		x	x	x	x		x	x	x	x				x	x	x	x		x		x	x	x		x	x	21
5	Vũ T Lam	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	26	
6	Lê V Đức	x	x			x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	24	
7	Phạm Bá Duy	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	26	
8	Đào Ván Thắng	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	26	
9	Phan V Bình	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	26	
10	Vũ Ván Đức	x	x		x	x	x	x	x			x	x	x	x		x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	24	
	.....																															
90	Ng V Bình	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	26	
	<b>Tổng</b>																															

Lập, ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Người chấm công**  
( Ký, họ tên )

**Phụ trách bộ phận**  
( Ký, họ tên )

**Người duyệt**  
( Ký, họ tên )

Căn cứ vào bảng chấm công và lương cố định và các khoản phụ cấp trong hợp đồng lao động, kế toán tính ra lương phải trả cho người lao động theo từng bộ phận như biểu 2.9:

**Biểu 2.9:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**

**Bộ phận : Tạo sóng**

**Mẫu số 02- LĐTL**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG BỘ PHẬN**

Tháng 6 năm 2012

STT	Họ tên	Lương					Các khoản trích theo lương								
		Lương hợp đồng	Lương thực tế	Trừ xã hội	Thực lĩnh	Lương tính bảo hiểm	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ	Tổng tính vào CP	Tổng trừ vào lương
							Tính vào CP	Trừ vào lương	Tính vào CP	Trừ vào lương	Tính vào CP	Trừ vào lương			
1	Ng Minh Q	7.000.000	6.461.538	203.300	6.258.238	2.140.000	363.800	149.800	64.200	32.100	21.400	21.400	42.800	492.200	203.300
2	Trần T Tú	6.500.000	6.500.000	203.300	6.296.700	2.140.000	363.800	149.800	64.200	32.100	21.400	21.400	42.800	492.200	203.300
3	Ng V An	6.500.000	6.250.000	203.300	6.046.700	2.140.000	363.800	149.800	64.200	32.100	21.400	21.400	42.800	492.200	203.300
4	Hoàng V Hải	6.500.000	5.250.000	203.300	5.046.700	2.140.000	363.800	149.800	64.200	32.100	21.400	21.400	42.800	492.200	203.300
5	Vũ T Lam	6.500.000	6.500.000	203.300	6.296.700	2.140.000	363.800	149.800	64.200	32.100	21.400	21.400	42.800	492.200	203.300
6	Lê V Đức	5.000.000	4.615.385	203.300	4.412.085	2.140.000	363.800	149.800	64.200	32.100	21.400	21.400	42.800	492.200	203.300
7	P Bá Duy	5.000.000	5000.000	203.300	4.796.700	2.140.000	363.800	149.800	64.200	32.100	21.400	21.400	42.800	492.200	203.300
	.....														
90	Ng Bình V	5.000.000	5.000.000	203.300	4.796.700	2.140.000	363.800	149.800	64.200	32.100	21.400	21.400	42.800	492.200	203.300
	<b>Tổng</b>	<b>458.000.000</b>	<b>455.576.923</b>	<b>18.297.000</b>	<b>437.279.923</b>	<b>192.600.000</b>	<b>32.742.000</b>	<b>13.482.000</b>	<b>5.778.000</b>	<b>2.889.000</b>	<b>1.926.000</b>	<b>1.926.000</b>	<b>3.852.000</b>	<b>44.280.000</b>	<b>18.297.000</b>

Tổng số tiền (bằng chữ): Bốn trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng.

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

Căn cứ vào bảng thanh toán lương của từng bộ phận, kế toán lập Bảng tổng hợp thanh toán lương cho toàn công ty như biểu 2.10:

**Biểu 2.10:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**

**Mẫu số 02- LĐTTL**

**Bộ phận : Sản xuất trực tiếp**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG**

Tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Bộ phận	Lương				Các khoản trích theo lương								
	Lương hợp đồng	Lương thực tế	Trừ xã hội	Thực lĩnh	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ	Tổng tính vào CP	Tổng trừ vào lương
					Tính vào CP	Trừ vào lương	Tính vào CP	Trừ vào lương	Tính vào CP	Trừ vào lương			
Tạo sống	458.000.000	455.576.923	18.297.000	437.279.923	32.742.000	13.482.000	5.778.000	2.889.000	1.926.000	1.926.000	3.852.000	44.298.000	18.297.000
Tạo hình	805.000.000	782.403.838	30.495.000	751.908.838	54.570.000	22.470.000	9.630.000	4.815.000	3.210.000	3.210.000	6.420.000	73.830.000	30.495.000
Hoàn thiện	640.000.000	636.076.923	24.396.000	611.680.923	43.656.000	17.976.000	7.704.000	3.852.000	2.568.000	2.568.000	5.136.000	59.064.000	24.396.000
Cộng SX	1.903.000.000	1.874.057.684	73.188.000	1.800.869.684	130.968.000	53.928.000	23.112.000	11.556.000	7.704.000	7.704.000	15.408.000	177.192.000	73.188.000
QL	645.000.000	636.769.231	16.873.900	619.895.331	30.195.400	12.433.400	5.328.600	2.664.300	1.776.200	1.776.200	3.552.400	40.852.600	16.873.900
Cộng	2.548.000.000	2.510.826.915	90.061.900	2.420.765.015	161.163.400	66.361.400	28.440.600	14.220.300	9.480.200	9.480.200	18.960.400	218.044.600	90.061.900

Tổng số tiền (bằng chữ): Hai tỷ, bốn trăm hai mươi triệu, bảy trăm sáu mươi năm nghìn, không trăm mười lăm đồng.

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)  
( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Từ Bảng tổng hợp lương, kế toán lập bảng tổng hợp phân bổ lương và bảo hiểm như biểu 2.12:

**Biểu 2.11:**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng

**Mẫu số 11- LĐTĐ**

**Bộ phận:**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 2/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM**

Tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

Ghi Có TK Đối tượng sử dụng ( Ghi nợ TK)	Có TK 334	TK 338- Phải trả, phải nộp khác				
		BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng có 338
TK 622	1.874.057.684	130.968.000	23.112.000	7.704.000	15.408.000	177.192.000
TK642	636.769.231	30.195.400	5.328.600	1.776.200	3.552.400	40.852.600
TK 334	-	66.361.400	14.220.300	9.480.200		90.061.900
Cộng	2.510.826.915	227.524.800	42.660.900	18.960.400	18.960.400	308.106.500

**Người lập bảng**  
( Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng)

Từ Bảng phân bổ lương và Bảo hiểm, kế toán ghi sổ Nhật ký chung như biểu 2.12:

**Biểu 2.12:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**  
**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S03 - DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2012**  
Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
			.....					
30/6	BPB6	30/6	Tính ra lương			622	1.874.057.684	
			phải trả CNV tháng 6			642	636.769.231	
			Trích các khoản theo lương công nhân viên tháng 6			334		2.510.826.915
						622	177.192.000	
						642	40.852.600	
						334	90.061.900	
30/6	PKT13/06	30/6	K/c CP NCTT			154	2.051.249.684	
						622		<b>2.051.249.684</b>
			.....					
			Cộng phát sinh tháng 6				45.490.980.000	45.490.980.000

Sổ này có 368 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số 368  
Ngày mở sổ: 01/01/2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 622 như biểu 2.13

**Biểu 2.13:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**  
**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S03b -DN**  
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 củ Bộ trưởng BTC)*

**SỐ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

**Năm 2012**

**Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp**

**Số hiệu: 622**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		T	D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 6					
			Số phát sinh trong tháng					
30/6	BPB T6	30/6	Lương CN T6			334	1.874.057.684	
			Trích theo lương			338	177.192.000	
	PKT13/06	30/6	K/c CP NCTT			154		<b>2.051.249.684</b>
			Cộng số phát sinh				2.051.249.684	2.051.249.684
			Số dư cuối kỳ					

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

**2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:**

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Phiếu xuất kho NVL, CCDC

**\* Tài khoản sử dụng:**

Công ty sử dụng tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung” dùng để tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ

Chi tiết theo từng tài khoản cấp 2:

- TK 6271 : Chi phí nhân viên phân xưởng
- TK 6272 : Chi phí vật liệu sản xuất chung
- TK 6273 : Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất chung
- TK 6274 : Chi phí khấu hao sửa chữa lớn tài sản cố định
- TK 6278 : Chi phí khác tại bộ phận sản xuất

**Sổ sách sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 627

**Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung tại công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitex Hải Phòng**

**\* Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng:**

Do ở Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng, tổ trưởng một bộ phận sản xuất cũng chính là công nhân tại phân xưởng đó nên chi phí nhân công quản lý phân xưởng của công ty đã phản ánh ngay tại chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm. Do đó không có tài khoản 6271.

**\* Chi phí nguyên vật liệu phụ:**

Tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng, vật liệu phụ như mực in, hồ dán được xuất chung cho toàn phân xưởng sản xuất trong tháng không phân biệt đơn hàng và sau đó phân bổ vào chi phí sản xuất

Ví dụ, đầu tháng 6, xuất kho mực in như biểu 2.14:



**Biểu 2.14:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng**  
**Địa chỉ: Khu CN Nomura Hải Phòng**  
**BTC**

**Mẫu số 02 - VT**  
( Ban hành theo QĐ số 15/2006/Đ-  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 5 tháng 6 năm 2012  
Số P XK 06/06

Nợ TK 627: 25.380.000  
Có TK 152:25.380.000

ST T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đ.v tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Mực in RED flex 9208		kg	350	350	14.100	4.935.000
2	Mực in BLUE flex 8318		kg	500	500	14.100	7.050.000
3	Mực in BLACK flex 9001		kg	550	550	14.100	7.755.000
4	Mực in YELLOW flex 1803		kg	400	400	14.100	5.640.000
	Cộng			1.800	1.800	14.100	25.380.000

Tổng số tiền ( Bằng chữ ): Hai mươi năm triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng chẵn

Ngày 5 tháng 6 năm 2012

<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận hàng</b>	<b>Thủ kho</b>	<b>Kế toán trưởng</b> ( Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập )	<b>Giám đốc</b>
( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng)

**\* Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất chung:**

Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ cho sản xuất chung ở công ty bao gồm: bàn ghế, tủ đựng đồ, dụng cụ sửa chữa kiểm tra... được phân bổ dần vào chi phí.

Hàng tháng, kế toán lập bảng phân bổ chi phí công cụ dụng cụ như biểu 2.15:

**Biểu 2.15:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TK 242**

Tháng 6 / 2012

STT	Tên vật tư	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thời gian phân bổ	Giá trị còn lại kỳ trước	Số tiền phân bổ kỳ này	Đối tượng phân bổ		Giá trị còn lại
									627	642	
1	Bàn chân sắt	PX SX	8	500.000	4.000.000	24	3.000.000	166.667	166.667		2.833.333
2	máy kiểm tra mã vạch	PX SX	3	2.140.000	6.420.000	24	3.210.000	267.500	267.500		2.942.500
3	máy mài cầm tay	PX SX	4	720.000	2.880.000	24	1.200.000	120.000	120.000		1.080.000
4	máy scan	BP VP	1	6.480.000	6.480.000	24	3.240.000	270.000		270.000	2.970.000
	.....										
	<b>Tổng</b>				685.700.000		315.500.000	32.153.336	14.815.028	17.338.308	283.346.664

**Người lập biểu**  
( Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên )

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng )

**\*Chi phí khấu hao Tài sản cố định:** kế toán tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng

**Biểu 2.16:**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng

**Bộ phận:** Sản xuất

**Mẫu số 06- TSCĐ**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tháng 6 năm 2012

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ khấu hao ( %)	Nơi sử dụng		TK 627				TK 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp
			Toàn DN		Nhà xưởng	Máy móc	Vận tải	Cộng TK 627	
			Nguyên giá	Số KH					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1	I-Số khấu hao trích tháng trước		261,737,491,800	5.454.611.179	750.229.767	4.079.576.194	380.212.017	5.210.017.978	244.593.201
2	II-Số KH TSCĐ tăng trong tháng								
3	III-Số KH TSCĐ giảm trong tháng								
4	IV- Số trích KH tháng này		261.737.491.800	5.454.611.179	750.229.767	4.079.576.194	380.212.017	5.210.017.978	244.593.201

**Người lập bảng**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng)

**\* Chi phí khác bằng tiền:**

Hàng tháng, Công ty còn có các khoản chi phí sản xuất khác phải trả như tiền thuê đất, tiền điện, tiền nước phải trả cho Công ty quản lý Khu CN Nomura Hải Phòng cũng như một số chi phí chung khác

Ví dụ: Báo cáo chi phí kết nối (tiền điện) tháng 6 năm 2012 như biểu 2.17:

**Biểu 2.17:**

<b>Khu Công nghiệp Nomura Hải Phòng - An Dương - Hải Phòng - Việt Nam</b>				
<b>Sdt: 031.3743026</b>		<b>Fax: 031.3743613</b>		
Ngày 29 tháng 6 năm 2012				
<b>BÁO CÁO CHI PHÍ KẾT NỐI</b>				
Tháng 6 năm 2012				
<b>Mã số</b>	<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Nguồn cấp</b>	
TH310	Ojitek Hải Phòng	Lô B1/2/7/8	RMU-K	
<b>Ngày bắt đầu dùng điện EVN:</b>		08/07/2007		
<b>I. Số lượng điện năng tiêu thụ:</b>				
<b>Ngày đọc đồng hồ</b>	<b>Tổng giao</b>	<b>Giờ bình thường</b>	<b>Giờ cao điểm</b>	<b>Giờ thấp điểm</b>
Từ ngày: 28/5/2012	217,4	125,8	49,4	41,5
Đến ngày: 29/6/2012	267,4	155,1	61,4	50,2
Điện năng tiêu thụ (kWh)	200.000	117.200	48.000	34.800
<b>Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)</b>	<b>200.000</b>	<b>117.200</b>	<b>48.000</b>	<b>34.800</b>
<b>II. Chi tiết tính phí kết nối:</b>				
<b>Các hạng mục</b>	<b>Số lượng (kWh)</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>	
Giờ bình thường	117.200	2.025	237.330.000	
Giờ cao điểm	48.000	2.531	121.488.000	
Giờ thấp điểm	34.800	1.976	68.764.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>200.000</b>		<b>427.582.000</b>	
<b>Thuế GTGT</b>	<b>10%</b>		<b>42.758.200</b>	
<b>Tổng thanh toán</b>			<b>470.340.200</b>	
<b>Người báo cáo</b>		<b>Người kiểm tra</b>		<b>Trưởng phòng</b>

Từ các chứng từ liên quan đến Nguyên vật liệu phụ, công cụ dụng cụ, khấu hao, chi phí khác ở trên, kế toán ghi vào Nhật ký chung như biểu 2.18:

**Biểu 2.18:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitetex Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S03a - DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
			.....					
5/6	PX06/06	5/6	Chi phí SX			627	25.380.000	
			NVL phụ			152		25.380.000
			.....					
30/6	BCCPKN	29/6	Tiền điện			627	427.582.000	
			tháng 6			133	42.758.200	
						331		470.340.200
30/6	BPBKH	30/6	Trích khấu hao			627	5.210.017.978	
						642	244.593.201	
						214		5.454.611.179
30/6	BPB242	30/6	Phân bổ			627	14.815.028	
			chi phí			642	17.338.308	
			CCDC			242		32.153.336
			.....					
			Cộng phát sinh tháng 6				45.490.980.000	45.490.980.000

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitetex Hải Phòng)

**Khóa Luận Tốt Nghiệp**

Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi Sổ cái tài khoản 627 như biểu 2.19:

**Biểu 2.19:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**  
**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S03b -DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 củ Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)  
Năm 2012  
Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung  
Số hiệu: 627

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		T	D		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 6					
			Số phát sinh trong tháng					
5/6	PX06/06	5/6	Xuất kho mực in			152	25.380.000	
			.....					
30/6	BCCPKN	29/6	Tiền điện			331	427.582.000	
	BPBKH	30/6	Trích khấu hao BP SX			214	5.210.017.978	
	BPB242	30/6	Phân bổ CP CCDC			242	14.815.028	
			.....					
	PKT13/06	30/6	Kết chuyển chi phí SXC			154		<b>5.899.450.079</b>
			Cộng số phát sinh				5.899.450.079	5.899.450.079
			Số dư cuối kỳ					

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

**2.2.4.4. Hạch toán thiệt hại trong sản xuất tại công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng:**

Công ty không hạch toán riêng thiệt hại trong sản xuất, nếu có phát sinh thiệt hại thì hạch toán hết vào tài khoản 627 " Chi phí sản xuất chung"

**2.2.4.5. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm:**

**\* Tổng hợp Chi phí sản xuất**

- Tài khoản sử dụng : TK 154 " Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

Sau khi tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung thì cuối kỳ hạch toán phải kết chuyển vào bên nợ của tài khoản 154 "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" để tính giá thành sản phẩm.

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

+ Thẻ tính giá thành

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK 154

+ Sổ chi tiết TK 154.

- Nội dung hạch toán:

Cuối tháng căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 621, 622, 627 , kế toán lập Phiếu kế toán phản ánh kết chuyển chi phí sản xuất sang TK 154 như biểu 2.20:

**Biểu 2.20:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 13/06

Ngày 30/6/2012

Nội dung	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển CP NVLTT	621	154	10.018.999.210
Kết chuyển CP NCTT	622	154	2.051.249.684
Kết chuyển CP SXC	627	154	5.899.450.079
<b>Cộng</b>			<b>17.969.698.970</b>

**Người lập bảng**  
(Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng)

**\* Đánh giá sản phẩm dở dang:**

Do đặc điểm của sản xuất theo đơn đặt hàng, đến cuối tháng đơn hàng nào chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí sản xuất đã tập hợp được của đơn đó là giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

**\* Phân bổ chi phí sản xuất:**

Cuối tháng kế toán tiến hành phân bổ Chi phí nhân công và Chi phí sản xuất chung cho từng đơn đặt hàng theo Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp như biểu 2.21:

**Biểu 2.21:**

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ NCTT VÀ CHI PHÍ SXC  
Tháng 6/2012**

Tên đơn hàng	Chi phí NVLTT từng đơn hàng	Chi phí NCTT	Chi phí SXC
.....			
<b>Đơn hàng 1774</b>	<b>564.505.450</b>	<b>115.574.580</b>	<b>332.395.647</b>
Đơn hàng 6743	720.865.431	147.587.095	424.464.513
Đơn hàng 1539	365.128.983	74.755.042	214.997.542
Đơn hàng 7441	325.624.157	66.666.983	191.736.063
.....			
<b>Cộng</b>	<b>10.018.999.210</b>	<b>2.051.249.684</b>	<b>5.899.450.079</b>

**Người lập bảng**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

Căn cứ vào bảng phân bổ Chi phí, kế toán lập thẻ tính giá thành như biểu 2.22:



**Biểu 2.22:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

**Tháng 6 năm 2012**

**Mã đơn hàng: 1774**

Đơn vị tính: M<sub>2</sub>/ VNĐ

<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Giá trị SPDD đầu kỳ</b>	<b>CP SX phát sinh trong kỳ</b>	<b>Giá trị SPDD cuối kỳ</b>	<b>Cộng</b>
1. CP NVL TT	-	564.505.450	-	564.505.450
2. CP NCTT	-	115.574.580	-	115.574.580
3. CP SXC	-	332.395.647	-	332.395.647
4. Khoản trừ khỏi giá	-	-	-	-
Giá thành ( 1+2+3+4)	-	1.012.475.677	-	<b>1.012.475.677</b>
Giá thành đơn vị		27.815		<b>27.815</b>

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Người lập**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên )

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng)

Căn cứ vào Thẻ tính giá thành, kế toán lập phiếu nhập kho cho lô sản phẩm hoàn thành của đơn hàng số 1774 tháng 6/2012 như biểu 2.23:

**Biểu 2.23:**

**Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**  
**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

Mẫu số 01-VT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**  
*Ngày 30 tháng 06 năm 2012*  
Số : PN065/T6

Họ tên người giao: Trần Văn Tuấn  
Nhập tại kho: Kho công ty

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đ.v tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hộp Canon LBP 5050			36.400	36.400	27.815	1.012.475.677
	<b>Cộng</b>			<b>36.400</b>	<b>36.400</b>	<b>27.815</b>	<b>1.012.475.677</b>

- Tổng số tiền( viết bằng chữ): Một tỷ không trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng

*Ngày 30 tháng 6 năm 2012*

**Người lập phiếu**  
( Ký, họ tên )

**Người giao hàng**  
( Ký, họ tên )

**Thủ kho**  
( Ký, họ tên )

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên )

Căn cứ vào phiếu nhập kho, kế toán ghi sổ Nhật ký chung phản ánh hàng nhập kho như biểu 2.24:

**Biểu 2.24:**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**

**Địa chỉ: KCN Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S03 - DN**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2012**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	ST T dg	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
			.....					
30/6	PN65/06	30/6	Nhập kho Canon LBP 5050			155	1.012.475.677	
			của đơn hàng 1774			154		1.012.475.677
30/6	PC 33/06	30/6	Đặt tiền mua mũ			331	60.000.000	
			bảo hiểm Honda			111		60.000.000
30/6	PX40/6	30/6	Trả lại hồ dán sai quy cách cho Cty Tâm Bình			331	50.050.000	
						152		45.500.000
						133		4.550.000
			.....					
			Cộng phát sinh tháng 6				45.490.980.000	45.490.980.000

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng)

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OJITEX HẢI PHÒNG

### 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng.

#### 3.1.1. Ưu điểm:

Với địa bàn hoạt động tập trung, quy mô sản xuất khá lớn, công ty đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung hợp lý, tạo điều kiện để kiểm tra chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo công ty đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trải qua giai đoạn xây dựng và trưởng thành với nhiều khó khăn và thách thức, Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng đã và đang ngày một phát triển lớn mạnh về cơ cấu tổ chức, chất lượng sản phẩm và uy tín trên thị trường. Bên cạnh sự nỗ lực phấn đấu của Ban lãnh đạo, đội ngũ cán bộ công nhân viên đã góp phần cho Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng gặt hái được nhiều thành công đáng kể, đội ngũ kế toán của công ty cũng đóng một vai trò quan trọng

#### \* Về tổ chức công tác kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty theo mô hình tập trung gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có kinh nghiệm, hiệu quả thuận tiện trong phân công và chuyên môn hóa công việc đối với nhân viên kế toán được đồng đều. Trình độ đội ngũ kế toán của công ty tương đối tốt, nắm vững được chế độ và vận dụng linh hoạt, tác phong làm việc khoa học... Nhờ vậy, rất thuận tiện cho việc thu thập số liệu và xử lý thông tin kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc ra quyết định sản xuất kinh doanh của lãnh đạo công ty, đảm bảo rủi ro thấp.

#### \* Về hệ thống chứng từ, tài khoản sử dụng:

Công ty đã chấp hành đầy đủ các chế độ chính sách do Nhà nước quy định, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào hệ thống sổ sách kế toán. Nhờ đó, công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty đã góp phần không nhỏ trong việc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao.

Hệ thống tài khoản hạch toán của công ty bao gồm các tài khoản tổng hợp và các tài khoản chi tiết đã đáp ứng được nhu cầu phản ánh thông tin cho các đối

tượng liên quan được xây dựng chi tiết đáp ứng nhu cầu quản lý và hạch toán. Như trong việc tính giá thành được chi tiết theo các sổ chi tiết tài khoản 621, 622, 627, 154 và các tổng hợp như sổ cái tài khoản 621, 622, 627, 154

Hệ thống sổ kế toán của công ty của công ty có đầy đủ cả sổ chi tiết và sổ tổng hợp. Hình thức ghi sổ kế toán công ty áp dụng phù hợp với quy mô, khối lượng công việc kế toán, trình độ nhân viên kế toán, cách thức hạch toán. Số liệu kế toán phản ánh trên các sổ sách và báo cáo kế toán được chứng minh bằng hệ thống chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo nguyên tắc khách quan.

**\* Về công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm**

Công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng cơ bản đã vận dụng đúng chế độ kế toán quy định cho ngành sản xuất công nghiệp, xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng phù hợp với đặc thù sản xuất của sản phẩm bao bì cao cấp, vận dụng phương pháp tính giá thành phù hợp với đặc điểm của ngành và yêu cầu, trình độ quản lý chi phí sản xuất và giá thành của công ty.

Công tác lập sử dụng nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu xây dựng kế hoạch sản xuất, thu mua nguyên vật liệu và lập kế hoạch mua đáp ứng kịp thời và đầy đủ cho quá trình sản xuất sản phẩm. Bên cạnh đó, kế hoạch sản xuất chính xác và hợp lý, khoa học góp phần nâng cao năng suất lao động, làm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm giúp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Tập hợp chi phí sản xuất theo các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung đã thể hiện được công dụng của chi phí, đáp ứng được yêu cầu cung cấp số liệu cho việc tính giá thành sản phẩm một cách thuận lợi, chính xác.

**\* Về hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Công ty đã thực hiện tốt việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu phải hạch toán trực tiếp vào các đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm, hạn chế việc phân bổ, trường hợp không thể hạch toán trực tiếp chi phí nguyên vật liệu vào đối tượng tính giá thành sản phẩm ( mực in, hồ dán ) ngay được thì công ty sử dụng tiêu thức phân bổ phù hợp.

**\* Về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp**

Công ty đã sử dụng hệ thống chứng từ, bảng biểu rõ ràng đầy đủ, thuận tiện cho việc hạch toán chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm. Các chứng từ về chi phí tiền lương được kế toán tập hợp theo thời gian làm việc từ đó giúp cho việc hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được dễ dàng và thuận lợi.

Công ty áp dụng phương pháp tính lương theo thời gian để tính lương cho công nhân. Mức lương công nhân được hưởng phụ thuộc vào số thời gian lao động thực tế so với số thời gian lao động quy định trong tháng. Phương pháp này đem lại lợi ích cho người công nhân, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho công nhân cả khi khối lượng sản xuất cao hay thấp. Giúp cho người lao động ổn định cuộc sống, yên tâm lao động sản xuất và gắn bó lâu dài với công ty. Công ty luôn được đảm bảo về nguồn lực lao động tay nghề cao, có kinh nghiệm và nhiệt tình trong lao động. Khi khối lượng công việc tăng mạnh, thời gian sản xuất phải rút ngắn, công nhân được tăng ca theo quy định của Nhà nước mà công ty không phải tuyển thêm lao động thời vụ thiếu kinh nghiệm hay trách nhiệm với công việc.

**\* Về hạch toán chi phí sản xuất chung:**

Công ty đã theo dõi khá tốt chi phí sản xuất chung bao gồm chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định... Công ty theo dõi chi phí phát sinh chi tiết theo từng khoản mục chi phí. Các khoản mục được hạch toán cụ thể. Bảng trích khấu hao tài sản cố định thể hiện được đầy đủ chi tiết phần chi phí khấu hao nằm trong chi phí sản xuất. Nguyên vật liệu phụ, công cụ, dụng cụ và các chi phí mua ngoài khác cũng được hạch toán kịp thời, đúng quy định kế toán hiện hành. Do đó kiểm soát được các khoản chi phí phát sinh, tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

**3.1.2. Hạn chế:**

Bên cạnh những ưu điểm, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty TNHH Ojitex Hải Phòng vẫn còn một số tồn tại:

**\* Đối với việc hạch toán bảo hiểm xã hội cho người lao động:**

Hiện nay, công ty đang áp dụng mức lương tối thiểu vùng để trích các khoản bảo hiểm cho người lao động. Trong khi theo như quy định tại Khoản 2 Điều 94, Khoản 1 Điều 91 và Khoản 1. Điều 92 Luật Bảo hiểm xã hội quy định mức đóng và phương thức đóng của người lao động và người sử dụng lao động như sau:

Tại các doanh nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng thang bảng lương do Nhà nước quy định thì quỹ tiền lương được doanh nghiệp tự xây dựng trên mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Hàng tháng, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội trên quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Đối với người lao động đóng bảo hiểm xã hội theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức tiền lương thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động. Do đó, cơ quan Bảo hiểm xã hội chỉ căn cứ vào mức tiền lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động để tính mức đóng hàng tháng Bảo hiểm xã hội cho người lao động.

**\* Đối với việc ghi sổ chi tiết tài khoản chi phí**

Tại công ty TNHH Ojtex Hải Phòng, kế toán công ty đang sử dụng Sổ chi tiết các tài khoản để ghi chép các nghiệp vụ phát sinh chi phí sản xuất như tài khoản 621, tài khoản 622 và tài khoản 627. Việc ghi sổ này không sai so với quy định của chế độ kế toán. Tuy nhiên, việc theo dõi các khoản chi phí sẽ không được thuận tiện, hợp lý và khoa học, sẽ phát sinh thêm nhiều loại sổ tăng khối lượng công việc một cách không cần thiết cho kế toán công ty.

**\* Đối với sản phẩm hỏng**

Trong quá trình sản xuất sản phẩm, có thể xảy ra thiệt hại do chất lượng vật tư không đảm bảo tiêu chuẩn, do sai sót của máy móc- dây chuyền sản xuất, do sự bất cẩn của công nhân... Những chi phí thiệt hại này được công ty tập hợp vào chi phí sản xuất kinh doanh và tính vào giá thành thành phẩm, như vậy chưa khuyến khích được công nhân sử dụng vật tư tiết kiệm và hiệu quả trong quá trình sản xuất.

**\* Đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin:**

Hiện nay, toàn bộ các hoạt động kế toán trong công ty đều được thực hiện một cách thủ công hay còn gọi là ghi sổ bằng tay. Việc này đòi hỏi sự cẩn thận và chi tiết cũng như chắc chắn của người ghi sổ. Hơn nữa sẽ làm tăng khối lượng công việc cho bộ phận kế toán công ty. Cũng như khối lượng chứng từ sẽ rất lớn, tốn diện tích lưu trữ và khó bảo quản cũng như tìm kiếm thông tin khi cần thiết

**\* Đối với chi phí sửa chữa tài sản cố định:**

Hiện nay, công ty không trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định mà khi phát sinh sẽ tiến hành phân bổ cho nhiều kỳ với tài sản cố định phải sửa chữa lớn. Và với tài sản cố định sửa chữa nhỏ, chi phí sửa chữa sẽ không phân bổ mà

tính luôn vào chi phí sản xuất chung trong kỳ. Việc hạch toán như vậy làm chi phí sửa chữa tài sản cố định giữa các kỳ không đồng đều, có thể gây đột biến tăng chi phí sản xuất chung, làm tăng giá thành sản phẩm ở kỳ có chi phí sửa chữa.

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**

Trong nền kinh tế phát triển và đầy biến động như hiện nay, mỗi doanh nghiệp cần phải tự hoàn thiện mình cũng như nhanh chóng thích nghi với sự thay đổi của thị trường, từ việc sử dụng vốn, tìm kiếm khách hàng cho đến tổ chức sản xuất, phải biết tận dụng những cơ hội sẵn có để lựa chọn cho mình hướng đi đúng đắn. Mặt khác, mục tiêu theo đuổi của hầu hết các doanh nghiệp là lợi nhuận. Doanh nghiệp luôn tìm mọi biện pháp, nỗ lực phấn đấu để nâng cao khả năng cạnh tranh và thu được lợi nhuận cao nhất. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp, trong đó chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm là một nhân tố có ảnh hưởng cơ bản trực tiếp. Tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với mỗi doanh nghiệp. Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cần phải được quan tâm và không ngừng đổi mới hoàn thiện.

Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có một vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý của doanh nghiệp. Việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công cụ giúp cho doanh nghiệp đề ra được chính sách giá cả phù hợp mà vẫn đem lại thuận lợi cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các nhà quản trị doanh nghiệp được cung cấp thông tin một cách đầy đủ, nhanh chóng và chính xác nhất về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, từ đó sẽ có cái nhìn tổng quan nhất trong việc phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thực tế tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng , công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng vẫn tồn tại một số hạn chế gây ra việc tính giá thành sản phẩm chưa được chính xác. Chính vì thế, việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitek Hải phòng đòi hỏi ngày một hoàn thiện hơn để đáp ứng nhu cầu quản lý của doanh nghiệp, tiến tới nâng cao chất lượng sản phẩm, đạt được lợi nhuận cũng như uy tín trên thị trường.



### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Ojitex Hải Phòng.**

#### **\*Yêu cầu hoàn thiện:**

- Thứ nhất, đảm bảo phù hợp các đặc điểm sản xuất kinh doanh với chế độ kế toán hiện hành. Bởi, mỗi một doanh nghiệp đều có những đặc điểm, đặc thù nhất định, do vậy cần vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt và hợp lý dựa trên cơ sở chức năng hoạt động, quy mô của mình để đạt được hiệu quả quản lý cao nhất.

- Thứ hai, để đảm bảo sự tuân thủ thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

- Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm trong việc tổ chức công tác kế toán tại công ty. Phải tổ chức công tác kế toán một cách khoa học và hợp lý, phân công công việc rõ ràng đối với mỗi nhân viên, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ để đạt hiệu quả chất lượng cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Thứ tư, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn.

#### **\* Phương hướng hoàn thiện:**

Công ty cần tiếp tục phát huy những ưu điểm hiện tại của mình và có cách tìm ra các biện pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại nhằm đảm bảo hạch toán theo đúng chế độ Nhà nước quy định và đáp ứng những yêu cầu quản lý hạch toán tại công ty trong đó cần tính đến định hướng phát triển lâu dài.

### **3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Ojitex Hải Phòng.**

#### **3.4.1. Kiến nghị 1: Về các khoản trích theo lương**

Hiện nay, công ty đang sử dụng mức lương tối thiểu vùng (2.140.000đ) làm căn cứ để trích các khoản bảo hiểm. Tuy nhiên, theo khoản 2/Điều 9 Luật BHXH quy định lương tính bảo hiểm dành cho doanh nghiệp không tính lương theo hệ số thì các khoản trích bảo hiểm là lương ghi trên hợp đồng lao động.

Vì vậy, công ty nên trích các khoản theo lương trên lương thỏa thuận trên hợp đồng.

Mặc dù việc thay đổi căn cứ trích các khoản theo lương làm chi phí sản xuất tăng lên nhưng điều đó lại phản ánh tính chính xác của tổng chi phí sản xuất ra, đồng thời đảm bảo lợi ích cho người lao động. Cho nên, công ty cần

thay đổi số lương dùng để trích bảo hiểm xã hội cho đúng với quy định của Nhà nước.

### **3.4.2. Kiến nghị 2: Về sổ chi tiết chi phí sản xuất**

Hiện tại, Công ty đang theo dõi chi phí sản xuất trên hệ thống sổ chi tiết theo TK. Để thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm soát chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ, phục vụ công tác tính, phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, công ty nên thay đổi hệ thống sổ chi tiết chi phí sang mẫu sổ Chi phí sản xuất kinh doanh như các biểu 3.1, biểu 3.2 và biểu 3.3 dưới đây:

**Biểu 3.1:**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng

**Địa chỉ:** Khu CN Nomura Hải Phòng

**Mẫu số S36-DN**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

**Tài khoản:** 621-Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

**Tên phân xưởng:** phân xưởng tạo sóng

**Tên đơn hàng:** Đơn số 1774

Tháng 6 năm 2012

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 621					
	Số hiệu	NT			Tổng số tiền	Chia ra				
						Loại A	Loại B	Loại C	Loại D	Loại E
			- Số dư đầu tháng							
			-Số phát sinh trong tháng							
10/6	PX12/06	10/6	Xuất kho giấy cuộn	152	527.640.520		527.640.520			
15/6	PX15/06	15/6	Xuất kho giấy cuộn	152	36.934.836		36.934.836			
			-Cộng số phát sinh trong kỳ		<b>564.575.356</b>		564.575.356			
			-Ghi có TK 621	154	564.575.356		564.575.356			
			- Số dư cuối tháng		-		-			

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Khóa Luận Tốt Nghiệp**

**Biểu 3.2**

**Đơn vị: Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng**

**Địa chỉ: Khu Cn Nomura Hải Phòng**

**Mẫu số S36-DN**

*( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

**Tài khoản: 627-Chi phí nhân công trực tiếp**

**Tên phân xưởng: Phân xưởng sản xuất**

**Tháng 06 năm 2012**

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra				
	Số hiệu	NT				Lương	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ
			- Số dư đầu tháng							
			- Số phát sinh trong tháng							
30/6	BPBT 6	30/6	Tính ra lương và các khoản trích theo lương	334	1.874.057.684	1.874.057.684				
				338	177.192.000		130.968.000	23.112.000	7.704.000	15.408.000
			Cộng số phát sinh		<b>2.051.249.684</b>	1.874.057.684	130.968.000	23.112.000	7.704.000	15.408.000
			- Ghi có TK 622	154	2.051.249.684					
			- Số dư cuối tháng							

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

*Ngày 30 tháng 6 năm 2012*

**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

**Khóa Luận Tốt Nghiệp**

**Biểu 3.3**

**Đơn vị:** Công ty TNHH Ojitexx Hải Phòng

**Địa chỉ:** Khu CN Nomura Hải Phòng

**Mẫu số S36-DN**

( Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

**Tài khoản:** 627- Chi phí sản xuất chung

**Tên phân xưởng:** Phân xưởng sản xuất

**Tên đơn hàng:** Đơn hàng 1774

Tháng 6 năm 2012

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chi tiết các khoản mục					
	Số hiệu	NT				6271	6272	6273	6274	6277	6278
			- Số dư đầu tháng								
			-Số phát sinh trong tháng								
5/6	PX6/6	5/6	Xuất kho mục in	152	25.380.000						
					.....						
30/6	BCCPKN	29/6	Tiền điện	331							427.582.000
30/6	BPBKH	30/6	CP khấu hao TSCĐ	214					5.210.017.978		
30/6	BPB242	30/6	Phân bổ CP CCDC	242				14.815.028			
					.....						
			Cộng số phát sinh		<b>5.899.450.079</b>						
			-Ghi có TK 627	154	5.899.450.079						
			Số dư cuối kỳ								

**Người ghi sổ**  
( Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 6 năm 2012  
**Kế toán trưởng**  
( Ký, họ tên)

### **3.4.3. Kiến nghị 3: Hạch toán chi phí thiệt hại trong sản xuất**

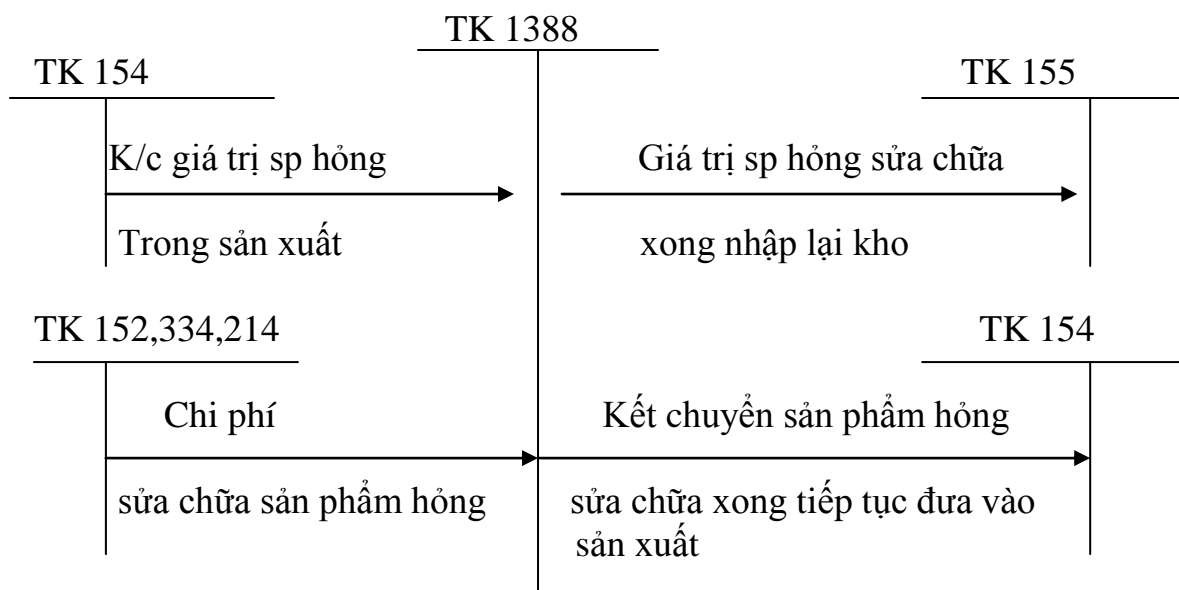
Nhằm quản lý chặt chẽ khoản chi phí thiệt hại trong sản xuất: phát hiện nguyên nhân, đánh giá mức độ thiệt hại, có biện pháp làm giảm khoản thiệt hại trong sản xuất, tính toán chính xác phần chi phí này vào giá thành từng loại sản phẩm, công ty nên tổ chức hạch toán kịp thời, đầy đủ về các khoản thiệt hại này, đồng thời gắn trách nhiệm cho người sản xuất với việc sử dụng vật tư.

Để tổ chức tốt hơn công tác theo dõi khoản chi phí thiệt hại trong sản xuất, bộ phận thống kê phân xưởng của Công ty có trách nhiệm theo dõi chặt chẽ và tập hợp đầy đủ về số lượng cụ thể và nguyên nhân của từng loại vật tư bị thiệt hại trong kỳ để nhanh chóng tìm ra biện pháp khắc phục.

Công ty nên chia sản phẩm hỏng ra làm hai loại: sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được và sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

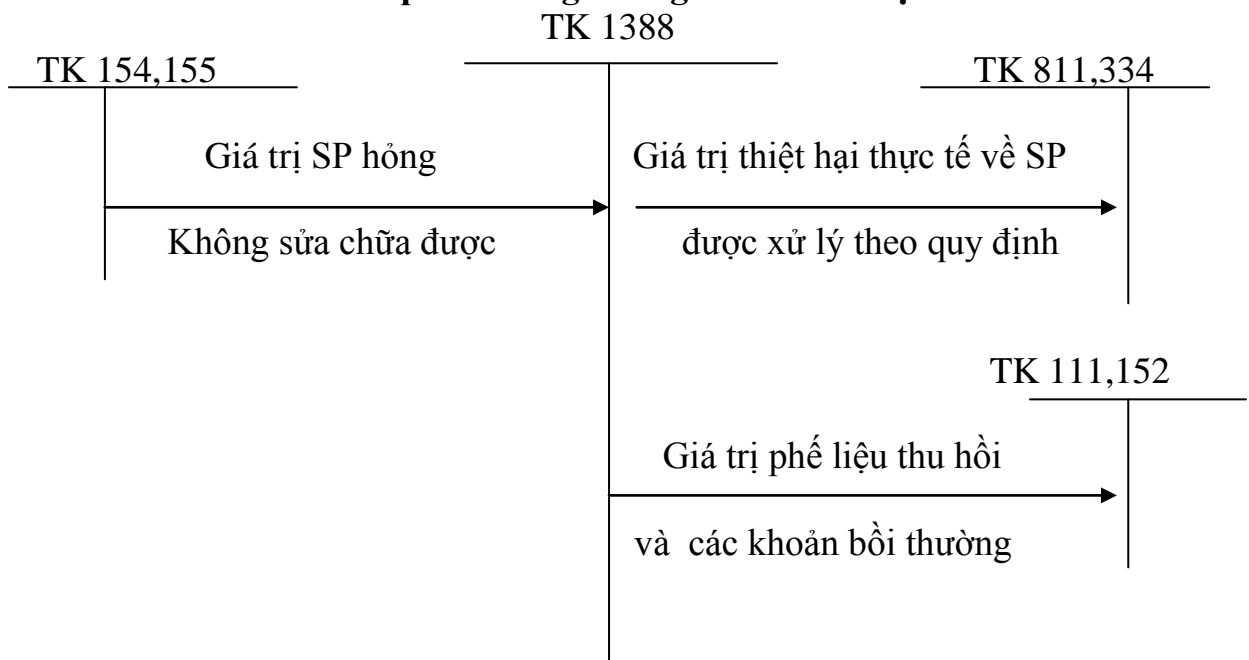
- Sản phẩm hỏng sửa chữa được : là những sản phẩm hỏng về mặt kỹ thuật có thể sửa chữa được và có lợi ích kinh tế.

#### **Sơ đồ 3.1. Kế toán sản phẩm hỏng sửa chữa được:**



- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: Là những sản phẩm hỏng về mặt kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc nếu sửa chữa được thì cũng không còn lợi ích kinh tế

**Sơ đồ 3.2. Kế toán sản phẩm hỏng không sửa chữa được:**



**3.4.4. Kiến nghị 4: Về việc áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính tại Công ty TNHH Ojitex Hải Phòng:**

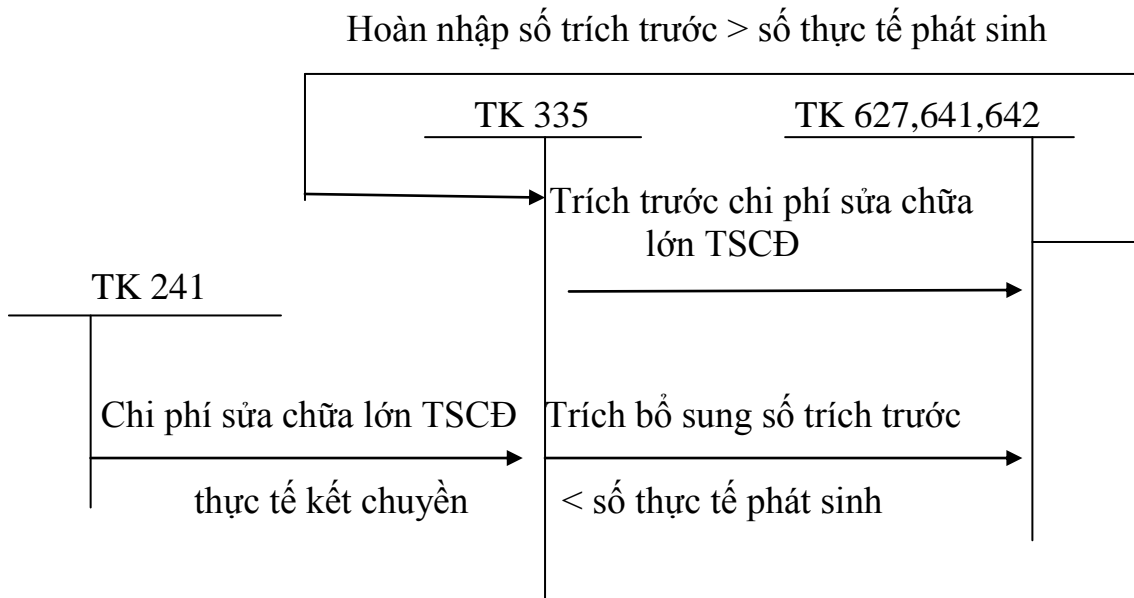
Để hỗ trợ cho công việc kế toán của Công ty giảm tải được khối lượng và có thể tập hợp chi phí sản xuất đầy đủ, tính giá thành chính xác thì Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với hoạt động kế toán của doanh nghiệp, ví dụ như:

- Phần mềm kế toán BRAVO
- Phần mềm kế toán DSOFT ACCOUNTING
- Phần mềm kế toán EFFECT
- Phần mềm kế toán MISA

**3.4.5. Kiến nghị 5: Về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**

Nhằm mục đích ổn định tài chính công ty, đảm bảo khi các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ ảnh hưởng tới công tác tính giá thành sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh, công ty nên căn cứ thực trạng của máy móc thiết bị tiến hành lập kế hoạch sửa chữa và trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ như sơ đồ 3.6:

**Sơ đồ 3.3: kế toán trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**



**3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojtex Hải Phòng**

**3.5.1. Về phía Nhà nước:**

Xu thế toàn cầu hóa cũng như việc hội nhập kinh tế thế giới tạo ra một thị trường cạnh tranh khốc liệt cho bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất trong nước nào. Và cũng do khả năng của các doanh nghiệp trong nước còn yếu, khả năng cạnh tranh chưa cao nên đã đặt ra cho Nhà nước một vấn đề cấp bách cần giải quyết. Đó là làm thế nào để thể hiện tốt các cam kết hội nhập đồng thời khai thác các điểm mạnh trong nước và thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước phát triển.

Vì một mục tiêu chung, Nhà nước luôn tạo điều kiện thuận lợi cũng như tạo môi trường kinh doanh công bằng và lành mạnh cho các doanh nghiệp, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Ban hành những chính sách phù hợp, kịp thời với sự biến động của nền kinh tế kèm theo những ưu đãi cho các doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp to lớn trong sự phát triển của đất nước. Luôn khuyến khích các doanh nghiệp không ngừng cải cách, đổi mới và phát triển toàn diện hơn.

Trong những năm gần đây, Nhà nước luôn có các chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài như: hỗ trợ giá thuê đất, giảm bớt thủ tục hành chính, các



chính sách về thuế và phí nhằm tận dụng nguồn lực nước ngoài về công nghệ. Do đó, Công ty đã tận dụng tối đa mọi ưu đãi của Nhà nước nhằm thúc đẩy sự phát triển của công ty.

### **3.5.2. Về phía doanh nghiệp**

Đứng trước những thay đổi của nền kinh tế đất nước và chính sách kinh tế mở cửa, doanh nghiệp nên tìm ra các biện pháp kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, cập nhật các chuẩn mực, quy định, thông tư và hướng dẫn mới về kế toán, áp dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán của công ty.

Doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức, cử nhân viên kế toán của công ty tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ để có thể theo kịp được những thay đổi trong chế độ kế toán nói chung và khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu để hoàn thiện và áp dụng các chính sách mới đó vào doanh nghiệp một cách phù hợp đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty, đồng thời đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán doanh nghiệp.

Là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, được thừa hưởng cách thức quản lý hiện đại, cách làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm cao nên đội ngũ nhân viên kế toán của công ty, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn không ngừng học tập và hoàn thiện chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đem lại hiệu quả làm việc cao nhất cho công ty.

## KẾT LUẬN

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán của mỗi doanh nghiệp. Những thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm chính là biểu hiện cho tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thông tin kế toán đòi hỏi công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm cần phải được bổ sung và hoàn thiện thường xuyên. Do đó, hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng là rất cần thiết.

Khóa luận đã đề cập đến những thành tựu mà kế toán công ty đã đạt được. Bên cạnh đó, cũng tồn tại nhiều hạn chế cần được hoàn thiện và bổ sung. Bài viết đã tập trung nghiên cứu quá trình tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhằm đưa ra được những kiến nghị hữu ích giúp kế toán Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành.

Về lý luận: Khóa luận đã hệ thống hóa được lý luận chung về phần hành kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp, làm nền tảng cho việc nghiên cứu công tác "Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Ojitek Hải Phòng"

Về thực tiễn: Khóa luận đã phản ánh trung thực tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ojitek Hải Phòng. Bài viết lấy số liệu năm 2012 để minh họa cho các lập luận cụ thể về thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do trình độ cũng như nhận thức còn hạn chế cho nên trong khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định. Em rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô giáo, ban lãnh đạo cùng toàn thể các cô chú phòng kế toán để nhận thức của em về vấn đề này được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Ths.Nguyễn Đức Kiên và các cán bộ nhân viên trong phòng kế toán công ty TNHH Ojitek Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận này.

***Em xin chân thành cảm ơn!***

*Hải Phòng, ngày 26 tháng 6 năm 2014*

Sinh viên

Phạm Hồng Ngân

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. *Kế toán tài chính* – PGS. TS Võ Văn Nhị, PGS.TS Phạm Thị Cúc, Ths Dương Hồng Thủy, CN Mai Bình Dương - NXB tài chính năm 2009
2. *Hướng dẫn thực hành về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp* – PGS.TS. Võ Văn Nhị - NXB Tài chính Hà Nội (2009)
3. *Kế toán chi phí* – NXB kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Ts. Đoàn Ngọc Quế năm 2013.
4. Bộ tài chính (2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán* - NXB Giao thông vận tải Hà Nội.
5. Bộ tài chính (2010), *Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 2: báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán* - NXB Giao thông vận tải Hà Nội.
6. *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính* – Ts Nguyễn Phú Giang - NXB tài chính Hà Nội năm 2010
7. Quyết định 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính
8. Sổ sách kế toán của công ty TNHH Ojitex Hải Phòng.